

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

(Giấy đăng ký kinh doanh số: 5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2016)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . ./GCN – UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm . . .)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: (0263) 3 554 022 **Fax:** (0263) 3 830 142

Website: www.lbm-vn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6290 8686 **Fax:** (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn An Thái

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: (0263) 3828127 **Fax:** (0263) 3554065

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

(Giấy đăng ký kinh doanh số: 5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán: 30.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng dự kiến chào bán: 1.500.000 cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000 đồng

Tổng khối lượng vốn tối thiểu huy động dự kiến: 45.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 3827 5026

Fax: (028) 3827 5027

Website: www.rsm.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CNTP. HCM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6290 8686

Fax: (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù	6
4. Rủi ro về đầu tư	7
5. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	7
6. Rủi ro pha loãng	8
7. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/04/2018	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LBM	18
6. Quá trình tăng vốn của Công ty	19
7. Hoạt động kinh doanh	21
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất	33
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	33
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	34
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	35
10. Chính sách đối với người lao động	37
11. Chính sách cổ tức	39
12. Tình hình tài chính	39
13. Tình hình công nợ hiện nay:	41
14. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	46
15. Tài sản	64

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	64
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	65
18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:.....	66
19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:	66
20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:.....	66
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	67
1. Loại cổ phiếu.....	67
2. Mệnh giá	67
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	67
4. Phương pháp tính giá:	68
5. Phương thức phân phối:.....	70
6. Thời gian phân phối cổ phiếu	70
7. Đăng ký mua cổ phiếu	71
8. Phương thức thực hiện quyền	76
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	71
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:.....	72
11. Các loại thuế có liên quan.....	72
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:.....	72
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	72
1. Mục đích chào bán.....	72
2. Phương án khả thi: không có	72
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	72
1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	72
2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn.....	73
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	74
1. Tổ chức Phát hành	74
2. Tổ chức kiểm toán	74
3. Tổ chức tư vấn	74
IX. PHỤ LỤC.....	75
X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	76

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

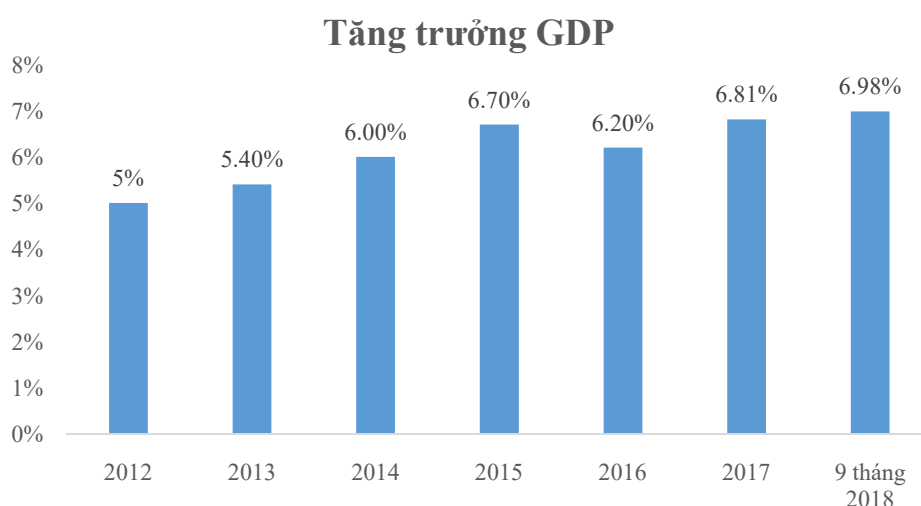
1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mội ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế.

Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng đầu năm 2018 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục cải thiện nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, kinh tế - xã hội nước ta cũng đối mặt không ít khó khăn: Sức ép lạm phát tăng lên; số doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh tăng cao; cán cân thương mại nhập siêu gần đây; thuế nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam vào Mỹ tăng cao; công nghiệp chế biến chế tạo có xu hướng tăng chậm lại; diễn biến thời tiết và tình trạng cháy nổ, tai nạn giao thông còn phức tạp. Tuy nhiên, trước những nỗ lực đưa ra các giải pháp và chỉ đạo từ Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội trong nước tiếp tục có những chuyển biến tích cực trong 9 tháng đầu năm 2018.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng đầu năm 2018 tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước (Quý I tăng 7,45%; quý II tăng 6,79%; quý III tăng 6,88%), là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong việc Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018.

Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tính chung quý III năm 2018, CPI tăng 0,72% so với quý trước và tăng 4,14% so với quý III/2017. CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017; CPI tháng 9/2018 tăng 3,20% so với tháng 12/2017 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2017.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Có thể thấy, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam đã dần đạt được những số liệu khả quan và được dự báo sẽ tiếp tục hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 6,5% - 6,7% trong năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc nền kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện và tận dụng các lợi thế kinh tế từ các hợp đồng thương mại tự do FTA. Tuy nhiên, một số tác động trực tiếp từ tình hình khí hậu diễn biến bất thường, sự bất ổn về chính trị của các nước trên thế giới, thay đổi trong chính sách thương mại của các quốc gia phát triển, ... vẫn có thể ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và xuất nhập khẩu. Điều này sẽ gây không ít tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế, trong đó có Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.

2. Rủi ro về luật pháp

Cũng như nhiều doanh nghiệp cổ phần khác, hoạt động của LBM chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Bộ Luật Lao Động, Luật Chứng khoán,... Tuy nhiên, hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, vì thế những thay đổi, điều chỉnh thường xuyên là điều không thể tránh khỏi. Đây là những rủi ro không thể tránh khỏi mà LBM buộc phải có những kế hoạch chuẩn bị nhằm hạn chế những vấn đề không mong muốn phát sinh liên quan đến luật pháp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điển hình, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, các Nghị định, Thông tư liên quan đang được các cơ quan, ban ngành có liên quan dự thảo sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Luật mới này. Cùng thời gian đó, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 cũng có hiệu lực từ ngày 01/07/2015. Gần đây nhất là Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 thay thế Thông tư số 121/2012/TT-BTC hướng dẫn về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng. Chính những thay đổi nhằm hoàn thiện hệ thống Pháp luật Việt Nam, tạo nên một môi trường cạnh tranh công bằng lành mạnh cho các doanh nghiệp, nên không chỉ riêng LBM mà các bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải có những sự cập nhật, chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho phù hợp với các quy định pháp luật được điều chỉnh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguồn nguyên liệu:

Hiện nay, hầu hết các nguồn nguyên liệu đầu vào của các Xí nghiệp và nhà máy trực thuộc Công ty đều đến từ các vùng nguyên liệu do Công ty quản lý và khai thác, do đó công ty có thể gặp phải những trở ngại như: các nguồn khai thác bị cạn kiệt, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác trong việc xin phép khai thác các mỏ nguyên liệu, chính sách điều tiết của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng. Để chủ động về nguồn nguyên liệu, đảm bảo cho kế

hoạch phát triển lâu dài, Công ty liên tục khảo sát thăm dò các nguồn mỏ mới. Đồng thời, song song với quá trình khai thác Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác hợp lý những nguồn nguyên liệu sẵn có nhằm đem đến giá trị bền vững cho cổ đông công ty, đóng góp thiết thực cho xã hội.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, ngày càng nhiều các doanh nghiệp mới tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng với tiềm lực tài chính lớn, công nghệ hiện đại và các sản phẩm đa dạng, phong phú hơn nên Công ty đối mặt với nhiều sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Tuy vậy, do là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong khu vực, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng chiến lược phù hợp, đa dạng hóa các dòng sản phẩm, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đáp ứng nhu cầu phong phú của người tiêu dùng.

3.3. Rủi ro về nguồn nhân lực:

Do đặc thù vị trí địa lý, Lâm Đồng tương đối xa trung tâm công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh và ngành công nghiệp Lâm Đồng chưa phát triển mạnh, nên việc thu hút nhân sự cấp cao về làm việc tại Lâm Đồng là tương đối khó khăn dù công ty có những chính sách thu hút nhân tài hấp dẫn. Bên cạnh đó, nguồn cung trong lĩnh vực vật liệu khoáng sản trong tỉnh khá thấp khiến cho công ty phải thu hút các ứng viên từ ngoài tỉnh.

Do hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và khoáng sản, Công ty phải đối mặt với một rủi ro rất lớn trong quá trình làm việc như tai nạn lao động làm thiệt hại về máy móc thiết bị, đặc biệt là về con người. Để đảm bảo an toàn trong lao động và giảm thiểu tối đa rủi ro này, Công ty luôn trang bị đầy đủ vật dụng bảo hộ lao động cho nhân viên và mua các loại bảo hiểm đầy đủ cho người lao động của mình.

4. Rủi ro về đầu tư

Với mục đích tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu Lâm Đồng luôn tìm kiếm các cơ hội đầu tư dài hạn, khai thác thêm mỏ nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng được nguồn cung ra thị trường. Tuy nhiên trong quá trình triển khai và thực hiện Công ty gặp nhiều rủi ro trong việc xin giấy phép, huy động vốn cho dự án. Những biến động từ môi trường xung quanh cũng ảnh hưởng nhiều đến tiến độ và tính khả thi của dự án, do đó Công ty phải có những kế hoạch phù hợp để phòng ngừa những rủi ro này có thể ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty trong tương lai.

5. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Trong những năm gần đây, thị trường chứng khoán tiếp tục là kênh huy động vốn tốt khi mà kinh tế vĩ mô ngày càng ổn định. Nhiều Công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường một lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh lớn của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu Công ty.

Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro lớn cho đợt chào bán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán có nhiều biến động, giá nhiều cổ phiếu trụ cột giảm mạnh gây thiệt hại cho không ít các nhà đầu tư, vì vậy, các nhà đầu tư sẽ có tâm lý thận trọng khi lựa chọn đầu tư các cổ phiếu mới. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu, sự lựa chọn của các nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt chào bán của Công ty.

Trong lần chào bán này, công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua phương thức đấu giá công khai. Rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì Công ty có vị thế nhất định trong ngành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cổ phiếu LBM được niêm yết trên sàn HOSE nên tính thanh khoản là khá cao, bên cạnh đó, lĩnh vực xây dựng đang có xu hướng phát triển mạnh trong những năm gần đây tạo động lực cho sự phát triển của những doanh nghiệp trong ngành, trong đó có LBM. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán.

6. Rủi ro pha loãng

6.1. Rủi ro pha loãng EPS

Việc thay đổi vốn chủ sở hữu sẽ làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của Công ty, dự kiến thay đổi như sau:

Số lượng cổ phần của Công ty thời điểm hiện tại là 8.500.000 cổ phần, số lượng phát hành thêm là 1.500.000 cổ phần, số lượng cổ phần của Công ty sau phát hành là 10.000.000 cổ phần. Do số lượng cổ phần của Công ty tăng lên, nên ngay sau khi phát hành, thu nhập trên một cổ phiếu (EPS) của Công ty sẽ bị pha loãng. Giả sử đến ngày 01/10/2018, đợt phát hành sẽ kết thúc, Công ty sẽ thu được toàn bộ số tiền từ đợt phát hành trên.

STT	Nội dung	2018 (dự kiến)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 (đồng) (*)	45.850.000.000
2	Số lượng cổ phần đầu năm 2018 (cổ phần) – Cổ phiếu quỹ	8.500.000
3	Số lượng cổ phần phát hành thêm (cổ phần)	1.500.000
4	Số lượng cổ phần sau khi phát hành (cổ phần) $\{(2)+(3)\}$	10.000.000
5	Số lượng cổ phần bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm tháng 12/2018 (cổ phần) $\{(2) \times 9 + (4) \times 3\} / 12$	8.875.000
6	Thu nhập/cổ phần trước khi phát hành (đồng/cp) $\{(1)/(2)\}$	5.394
7	Thu nhập/cổ phần điều chỉnh (đồng/cổ phần) $\{(1)/(5)\}$	5.166

(*): Theo Công ty LBM.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, điều kiện tự nhiên cũng ảnh hưởng rất lớn hoạt động của công ty. Với điều kiện mưa nhiều ở tỉnh Lâm Đồng với độ ẩm cao ảnh hưởng rất lớn đối với trữ lượng hàng như: gạch, cao lanh, vật liệu...

Do tính chất hoạt động kinh doanh, công ty còn chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách về thuế, chính sách khai thác về tài nguyên, qui định về môi trường... Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt... làm giảm nhu cầu về sản lượng cũng như khả năng sản xuất của công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng

Ông: Lê Đình Hiền	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn An Thái	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Lê Nam Đồng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Vũ Ngọc Phách	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Bà: Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn TCDN

Giấy ủy quyền số: 142-2017/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 18 tháng 12 năm 2017

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do CTCP Chứng Khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Tổ chức phát hành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
- LBM Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
- Tổ chức tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- UBND Ủy ban Nhân dân.
- UBCKNN Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- TP. HCM Thành Phố Hồ Chí Minh.
- NHNN Ngân hàng Nhà nước.
- CTCP Công ty cổ phần.
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT Hội đồng quản trị.
- BKS Ban kiểm soát.
- TGĐ Tổng Giám đốc.
- BTGD Ban Tổng Giám đốc.
- CBNV Cán bộ nhân viên.
- TSCĐ Tài sản cố định.
- TSLĐ Tài sản lưu động.
- CP Cổ phần.
- LNST Lợi nhuận sau thuế.
- DTT Doanh thu thuần.
- TTNDN Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TTNCN Thuế thu nhập cá nhân.
- PCCC Phòng cháy chữa cháy.
- QSD Quyền sử dụng.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Tên tiếng Anh : LAM DONG MINERALS AND BUILDING MATERIALS JOIN-STOCK

Logo : 

Vốn điều lệ : 85.000.000.000 đồng.

GCN ĐKKD : Số5800391633 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2016.

Trụ sở chính : 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : 0263.3828127

Fax : 0263.3554065

Email : lbm@lbm-vn.vn

Website : www.lbm-vn.vn

Mã cổ phiếu : LBM

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1994 : Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (tiền thân của LBM) được thành lập theo Quyết định số 981/QĐ-UB, ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng với nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng.

Năm 1999 : Tháng 12/1999 Cổ phần hóa một đơn vị trực thuộc tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thành công ty cổ phần Hiệp Thành với vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ. Đến hiện tại, LBM đang nắm giữ trên 80% vốn điều lệ tại công ty TNHH gạch Hiệp Thành (Công ty CP Hiệp Thành chuyển đổi loại hình doanh nghiệp năm 2017).

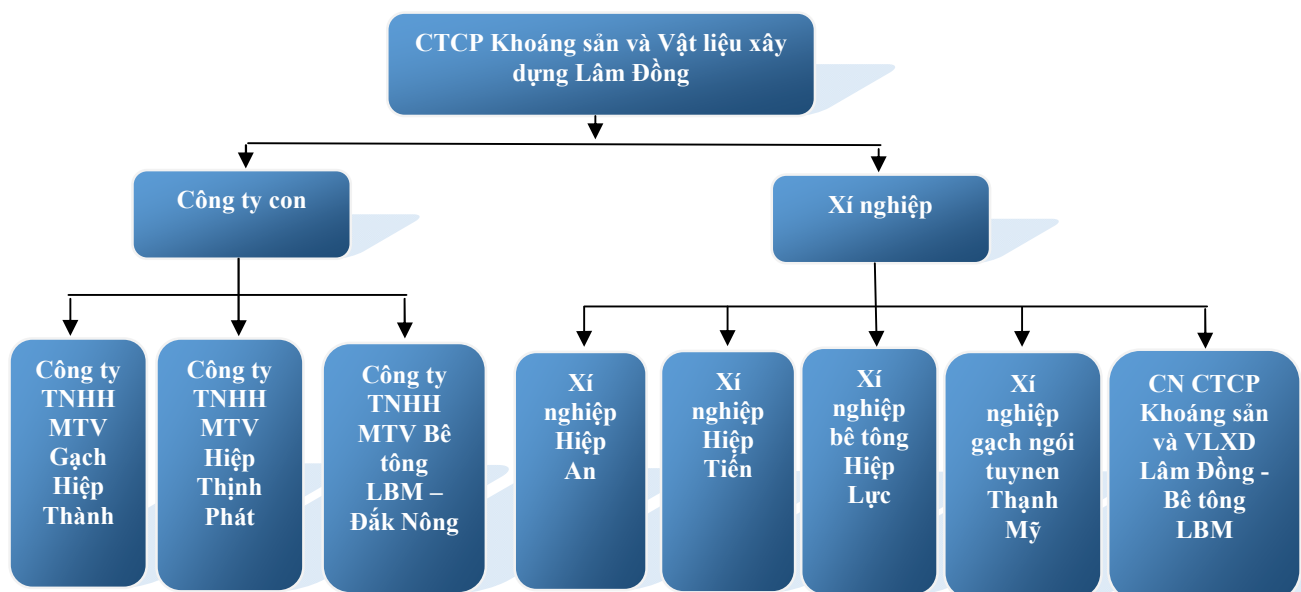
Năm 2003 : Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB, ngày 17/3/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng với vốn điều lệ 10 tỷ đồng. Đến quý 4 năm 2004, tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.

- Năm 2006 : Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2007 : Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM).
- Năm 2009 : Công ty LBM phát hành cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng.
- Năm 2011 : Công ty đầu tư 100% vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiệp Thịnh Phát tại thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng.
- Năm 2015 : Ngày 24/08/2015 thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng tại Đắk Nông.
- Năm 2016 : Ngày 23/08/2016 thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bê tông LBM Đắk Nông tại huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt.
- San lấp mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

2. Cơ cấu tổ chức công ty



Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng:

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: (0263) 3828127

Fax: (0263) 3554065

Các đơn vị trực thuộc: Hiện nay Công ty có 08 đơn vị trực thuộc bao gồm: 03 Công ty con, 01 Chi nhánh và 04 Xí nghiệp. Thông tin về các đơn vị trực thuộc như sau:

❖ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.

Chuyên sản xuất gạch tuynen.

❖ Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Chuyên thi công khai thác khoáng sản.

❖ Công ty TNHH MTV Bê tông LBM – Đắc Nông

Địa chỉ: Thôn 12, xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R’Lấp, Tỉnh Đắc Nông.

Chuyên sản xuất bê tông thương phẩm.

❖ Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ: Xã Hiệp An, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.

Chuyên sản xuất vật liệu chịu lửa.

❖ Xí nghiệp gạch ngói tuynen Thạnh Mỹ

Địa chỉ: 12 Trần Bình Trọng, Thị Trấn Thạnh Mỹ, Huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng.

Chuyên sản xuất gạch tuynen.

❖ Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ: Xã Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.

Chuyên sản xuất cao lanh phục vụ ngành gốm sứ.

❖ Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ: Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Chuyên sản xuất đá xây dựng và bê tông thương phẩm.

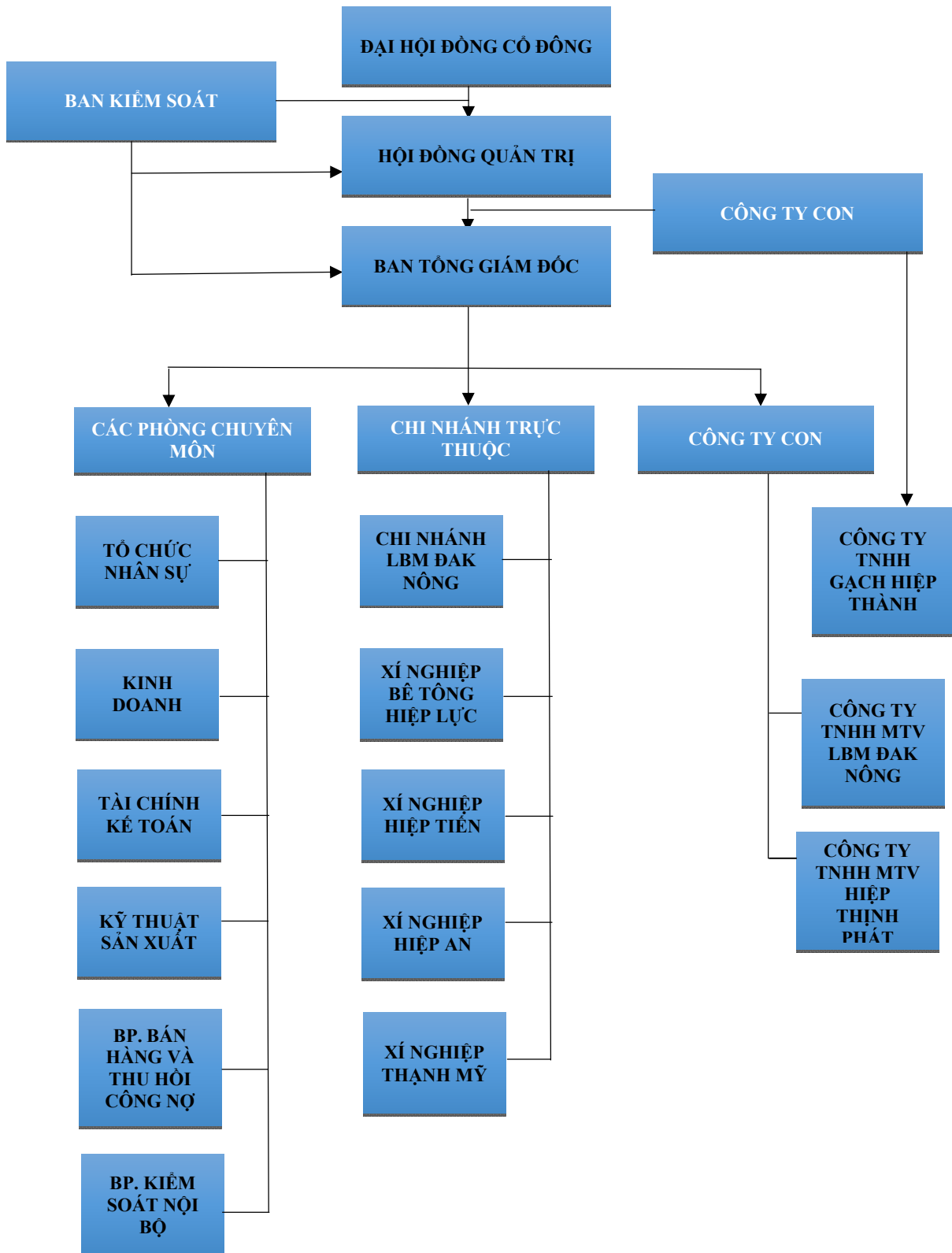
❖ CN Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng - Bê tông LBM

Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắc We, Huyện Đắc R’Lấp, Tỉnh Đắc Nông.

Chuyên sản xuất bê tông thương phẩm.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:



Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm các cơ quan chính sau:

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc:

Là cơ quan chịu trách nhiệm điều hành, quản lý, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

Phòng Tổ chức - Nhân sự:

Có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc trong việc tuyển dụng, đào tạo, tổ chức sắp xếp nhân sự. Thực hiện công tác định mức lao động, tiền lương, chế độ chính sách, bảo hiểm cho người lao động. Bên cạnh đó phòng nhân sự còn đảm nhận thêm việc quản trị hành chính, văn phòng, chăm lo cho đời sống CBCNV trong Công ty.

Phòng Kinh doanh:

Tham mưu cho Ban giám đốc trong các lĩnh vực điều hành sản xuất, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tiến hành phân tích các hoạt động kinh tế, hoạt động thị trường. Xây dựng các chiến lược Marketing, chiến lược phát triển thương hiệu và phát triển thị trường.

Phòng Tài chính - Kế toán:

Có chức năng báo cáo và cập nhật hàng ngày cho ban Giám đốc về tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra thì phòng kế toán – tài chính còn có thêm chức năng là tham mưu cho ban giám đốc về các hoạt động tài chính của Công ty; theo dõi, kiểm tra và lập các báo cáo tài chính quý, năm; Báo cáo sử dụng nguồn vốn cho các dự án đầu tư xây dựng. Giám sát hạch toán kế toán của các phân xưởng, hạch toán chi phí của từng đối tượng theo chế độ kế toán ban hành. Lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Phòng Kỹ thuật – Sản xuất:

Thăm dò, khảo sát địa chất, nâng cấp và tìm kiếm các nguồn nguyên liệu, khoáng sản mới, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thường xuyên cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, tổ chức hướng dẫn an toàn lao động và tổ chức đào tạo công nhân nâng bậc nghề. Bên cạnh đó thì Phòng kỹ thuật sản xuất còn đảm nhận công tác cung ứng vật tư cho sản xuất, quản lý các trang thiết bị phục vụ sản xuất và thực hiện các đầu tư, sửa chữa trang thiết bị phục vụ sản xuất.

Bộ phận bán hàng và thu hồi công nợ:

Nhân viên bán hàng là người trực tiếp giao dịch với khách hàng. Theo dõi từ quá trình giao hàng đến nghiệm thu và thu tiền .

Nhân viên thu hồi công nợ là người theo dõi thường xuyên công nợ phát sinh từ nhân viên bán hàng. Kiểm soát công nợ quá hạn, công nợ xấu, từ đó đề xuất phương án xử lý nhằm đảm bảo lành mạnh tài chính.

Bộ phận kiểm soát nội bộ:

Là đơn vị thống kê các số liệu phát sinh về hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Qua đó phát hiện ra các sai sót, phát hiện các khoản chi phí tăng bất thường. Đề xuất các phương án giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm.

Các chi nhánh trực thuộc

Là các đơn vị, các xí nghiệp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực đã được giao khi thành lập. Các chi nhánh chịu trách nhiệm sản xuất sản phẩm đảm bảo chất lượng, số lượng theo yêu cầu. Thực hiện giao hàng cho khách hàng khi thực hiện bán hàng.

Các công ty con:

Công ty LBM thành lập hai công ty chiếm 100% vốn là Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát và Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông để thực hiện một phần công việc trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo kết quả đạt hiệu quả cao.

Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành là công ty TNHH nhiều thành viên, trong đó Công ty LBM nắm giữ 80,84% vốn điều lệ. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành thực hiện sản xuất sản phẩm gạch tuynen trong xây dựng và các sản phẩm từ Betonite và từ đất sét.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 04/04/2018

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ GDKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	CTCP Đầu Tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	266 Hai Bà Trưng, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	5800000424	5.021.586	59,08%
2	Trần Hùng Phương	Công ty Polychem, lầu 5, tòa nhà Songdo, 62A, Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP. HCM	025029453	660.130	7,77%
Tổng cộng				5.681.716	66,85%

Nguồn: Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 04/04/2018

4.2. Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/05/2003. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	839	7.965.261	79.652.610.000	93,71%
	Cổ đông tổ chức	29	5.362.802	53.628.020.000	63,09%
	Cổ đông cá nhân	810	2.602.459	26.024.590.000	30,62%
II	Cổ đông nước ngoài	46	534.739	5.347.390.000	6,29%
	Cổ đông tổ chức	7	319.060	3.190.600.000	3,75%
	Cổ đông cá nhân	39	215.679	2.156.790.000	2,54%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		885	8.500.000	85.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 04/04/2018

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LBM

❖ Tổ chức nắm giữ trên 51% cổ phần LBM:

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng (LHC)

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5800000424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29/06/2016

Địa chỉ: Số 266 Hai Bà Trưng, P.6, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263. 3821854 Fax: 0263. 3832542

Hoạt động kinh doanh chính: Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông; Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng; Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa và dung dịch các loại; Khai thác, chế biến khoáng sản; Kinh doanh khách sạn; Hoạt động xuất nhập khẩu; Trồng rừng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê;

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng

Người đại diện pháp luật:

- Ông Lê Đình Hiến – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Quý – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ nắm giữ tại LBM: 59,08%

❖ Tổ chức mà LBM đã nắm giữ cổ phần:

Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5800255574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 03/01/2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 31/3/2017

Địa chỉ: Số 14 thôn Hiệp Thành 1, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263.3872002 Fax: 0263.3872205

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 12.600.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp: 12.600.000.000 đồng.

Người đại diện pháp luật:

- Ông Nguyễn An Thái – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên
- Ông Phạm Tuấn Anh – Chức vụ: Giám đốc Công ty

Tỷ lệ LBM nắm giữ: 80,84%

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5801036335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 28/4/2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 08/6/2016

Địa chỉ: Số 87, Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263.3832511 Fax: 0263.3830142

Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 5.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn An Thái – Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Tỷ lệ LBM nắm giữ: 100%

Công ty TNHH MTV Bê tông LBM – Đắc Nông

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 6400188526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắc Nông cấp lần đầu ngày 08/7/2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 23/8/2016.

Địa chỉ: Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông

Điện thoại: 02501.3607898.

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bê tông thương phẩm.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 7.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp: 7.000.000.000 đồng.

Người đại diện pháp luật:

- Ông Nguyễn An Thái – Chức vụ: Chủ tịch Công ty
- Ông Lê Cao Quang – Chức vụ: Giám đốc

Tỷ lệ LBM nắm giữ: 100%

6. Quá trình tăng vốn của Công ty

6.1. Tăng vốn lần đầu: từ 10 tỷ đồng lên 16,391 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 1.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đã phân phối: 639.160 cổ phần
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 6.391.600.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 16.391.600.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cán bộ công nhân viên và cổ đông hiện hữu
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
- Ngày kết thúc: tháng 1/2006

6.2. Tăng vốn lần 2: từ 16,391 tỷ đồng lên 41,355 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 16.391.600.000 đồng
- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 2.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đã phân phối: 2.496.400 cổ phần
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 24.964.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 41.355.600.000 đồng
- Hình thức phát hành:
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 1.639.160 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đã phân phối: 1.635.560 cổ phần
 - Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên
 - Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 81.958 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đã phân phối: 81.958 cổ phần
 - Chào bán cổ phiếu cho các đối tác chiến lược
 - Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 778.882 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đã phân phối: 778.882 cổ phần
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Ngày kết thúc: 12/10/2007

6.3. Tăng vốn lần 3: từ 41,355 tỷ đồng lên 85 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 41.355.600.000 đồng
- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 4.364.440 cổ phần
- Số lượng cổ phần đã phân phối: 4.364.440 cổ phần
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: 43.644.400.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 85.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành:
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 3.729.496 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đã phân phối: 2.759.833 cổ phần
 - Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên
 - Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 199.278 cổ phần
 - Số lượng cổ phần đã phân phối: 87.625 cổ phần
 - Chào bán cổ phiếu cho đối tác chiến lược

- Số lượng cổ phần phát hành dự kiến: 435.666 cổ phần
- Số lượng cổ phần đã phân phối: 1.516.982 cổ phần
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Ngày kết thúc: 01/07/2009

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm chính của công ty

Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng hoạt động sản xuất kinh doanh gồm 04 nhóm sản phẩm chính (i) Vật liệu xây dựng, (ii) Vật liệu chịu lửa, (iii) Cao lanh, (iv) Sản phẩm khác. Các sản phẩm và dịch vụ của công ty đều đạt được tiêu chuẩn ISO 9000-2001 do tổ chức BVQI cấp giấy chứng nhận, đáp ứng được yêu cầu chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước.

❖ Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng:

- Bê tông thương phẩm

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực
- Loại sản phẩm: Bê tông thương phẩm đảm bảo chất lượng với các cấp như: M100, M150, M200, M250, M300, M400, M500 và dịch vụ bơm bê tông linh hoạt với nhiều thiết bị chuyên dụng hiện đại.
- Lĩnh vực sử dụng: Xây dựng
- Đặc điểm kỹ thuật: Có 08 trạm trộn với tổng công suất 540m³/h

Với thiết bị bơm bê tông, xe vận chuyển chuyên dụng, xí nghiệp cung cấp bê tông đến tại chân công trình xây dựng và đáp ứng yêu cầu cho các công trình xây dựng có quy mô lớn, cao tầng. Chất lượng đạt theo tiêu chuẩn TCCS 01: 2013/LBM-BT.

- Yêu cầu kỹ thuật:

Mác Bê tông	Cường độ nén của bê tông sau 28 ngày (Mpa)
M10	≥ 10
M15	≥ 15
M20	≥ 20
M25	≥ 25
M30	≥ 30
M35	≥ 35
M40	≥ 40
M45	≥ 45
M50	≥ 50

- Đá xây dựng

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực
- Loại sản phẩm: Đá xây dựng
- Vùng Nguyên liệu: Mỏ đá Cam ly, N'thon Hạ, Bảo Lộc.
- Lĩnh vực sử dụng: phục vụ cho xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, giao thông.

- Đặc điểm kỹ thuật: Sản lượng sản xuất 250.000m³/ năm với các loại Đá Bloca, 0x4cm, 1x2cm, 2x4cm, 5x7cm...

Chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCCS 02/2013/LBM-ĐXD.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Độ nén đập trong xi lanh ở trạng thái bão hoà nước,%	Đến 12
2	Hàm lượng hạt thoi đẹp,%	15 - 35
3	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá,%	≤ 10
4	Độ hút nước,%	≤ 1
5	Hàm lượng sét, bùn, bụi,%	≤ 3
6	Khối lượng riêng, g/cm ³	2.6 – 2.8
7	Khối lượng thể tích, g/cm ³	2.58 – 2.8
8	Khối lượng thể tích xốp kg/m ³	≥ 1380

- Gạch rỗng 2,4,5 lỗ đất sét nung

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Gạch Tuynen Thanh Mỹ
- Loại sản phẩm: Gạch Tuynen
- Lĩnh vực sử dụng: Xây dựng
- Đặc điểm kỹ thuật: Gạch rỗng 2,4,6 lỗ sản xuất từ đất sét bằng phương pháp dẻo và nung ở nhiệt độ thích hợp dùng để xây tường và các bộ phận khác của công trình có trát hoặc ốp bên ngoài.

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCCS 04: 2013/LBM-GTM.

- Yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Mức chất lượng
1	Kích thước cơ bản - Chiều dài viên gạch (± 0.5) - Chiều rộng viên gạch (±0.4) - Chiều dày viên gạch (± 0.3)	Cm	17;17.5;18 7.5;11;12 4;7.5;8
2	Cường độ nén - Trung bình cho 5 mẫu thử, không nhỏ hơn - Trung bình cho 1 mẫu thử, không nhỏ hơn	MPa	5 3,5
3	Cường độ uốn - Trung bình cho 5 mẫu thử, không nhỏ hơn - Trung bình cho 1 mẫu thử, không nhỏ hơn	MPa	1,4 0,7
4	Độ hút nước, không lớn hơn	%	16
5	Độ rỗng không lớn hơn	%	45

❖ Nhóm sản phẩm vật liệu chịu lửa:

- Gạch chịu lửa

- Nơi Sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Vật liệu chịu lửa
- Lĩnh vực sử dụng: Gạch chịu lửa được sử dụng rộng rãi trong việc xây dựng lò công nghiệp trong ngành luyện kim, sản xuất xi măng, thủy tinh, gốm sứ... Sản phẩm ngoài các hình dáng thông thường, còn có nhiều chủng loại với hình dáng, kích thước và kỹ thuật theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 09/2013/LBM-GCL/GXHA.

- **Ống sứ chịu nhiệt**

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Ống sứ chịu nhiệt các loại
- Lĩnh vực sử dụng: Sản phẩm ống sứ chịu nhiệt của Xí nghiệp Hiệp An được dùng trong ngành công nghiệp đúc, rót kim loại. Hiện nay sản phẩm có 3 chủng loại cơ bản là ống sứ thẳng, ống co và ống chữ T có đường kính từ $\Phi 20 - \Phi 120$. Ngoài ra, công ty còn sản xuất sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của khách hàng với nhiều loại sản phẩm hình dáng khác nhau: ống phễu, ống chữ thập, ống vát góc, ...

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 08/2013/LBM-OSHA.

- **Sản phẩm vật liệu chịu lửa dị hình:**

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Vật liệu chịu lửa dị hình
- Lĩnh vực sử dụng: Sử dụng trong ngành công nghiệp đúc, rót kim loại...

Sản phẩm được sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 08/2013/LBM-OSHA

- **Trụ Nung, Bao Nung**

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Trụ Nung, Bao Nung
- Lĩnh vực sử dụng: Trụ nung carbuasilic đóng vai trò quan trọng trong công nghiệp nung truyền thống và hiện nay đang được nhập khẩu từ tung Quốc, Đài Loan. Tuy nhiên, yếu điểm của sản phẩm nhập khẩu này là giá cao, doanh nghiệp khó chủ động nguồn hàng, sản phẩm bị ăn mòn theo thời gian sử dụng do môi trường làm việc ở nhiệt độ cao, độ bền nhiệt của sản phẩm thấp.

Từ thực tế trên, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công sản phẩm trụ nung thuộc dòng aluminosilicat. Bước đầu đã mang lại hiệu quả cho việc sản xuất các loại sản phẩm vật liệu chịu lửa tại đơn vị và đã thâm nhập thị trường phía Nam. Với các lợi thế về nguồn nguyên liệu và công nghệ hiện có, sản phẩm trụ nung với chủng loại và hình dáng đa dạng có khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu về giá cả, tuổi thọ cao - hệ số sử dụng trên 100 lần nung.

- **Gạch xốp Cách Nhiệt**

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Gạch xốp Cách Nhiệt
- Lĩnh vực sử dụng: Xây dựng lò nung công nghiệp trong ngành luyện kim, thủy tinh, gốm sứ... dùng làm lớp cách nhiệt trong ngoài để hạn chế thất thoát nhiệt lượng ra môi trường xung quanh, giúp giảm chi phí năng lượng và giảm hỏng hóc thiết bị do thất thoát nhiệt ra bên ngoài gây ra. Tăng tuổi thọ lò và các thiết bị phụ trợ.

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 09/2013/LBM-GCL/GXHA.

- Bột Sa Một DQK-SM

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Bột Samốt DQK - SM (hoặc Sạn Samốt)
- Vùng Nguyên liệu: Cao lanh Trại Mát
- Lĩnh vực sử dụng: Dùng trong sản xuất vật liệu chịu lửa.

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 07/2013/LBM-SMHA

❖ Nhóm sản phẩm cao lanh

- Cao lanh DQK

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp An
- Loại sản phẩm: Cao lanh tinh lọc.
- Vùng Nguyên liệu: mỏ cao lanh Đa Quý Trại Mát.
- Lĩnh vực sử dụng: Làm nguyên liệu trong sản xuất vật liệu chịu lửa, làm xương trong công nghiệp gốm sứ.

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 06/2013/LBM-CLHA

- Cao lanh HTK:

- Nơi sản xuất: Xí nghiệp Hiệp Tiên.
- Loại sản phẩm: cao lanh tinh lọc.
- Lĩnh vực sử dụng: Dùng làm xương cho ngành công nghiệp gốm sứ dân dụng, gạch ceramic, granite, chất độn trong sơn nước...

Sản phẩm sản xuất và đạt tiêu chuẩn theo TCCS 05/2013/LBM-CLHT

❖ Nhóm sản phẩm bentonite:

- Bentonite LBM-API

- Nơi sản xuất: Nhà máy bentonite Hiệp Thành
- Loại sản phẩm: Bentonite bột
- Lĩnh vực sử dụng: Dùng cho khoan thăm dò dầu khí; khoan cọc nhồi; chống thấm các công trình xây dựng dân dụng, đê điều, đập thủy điện, được kiểm tra và đánh giá theo tiêu chuẩn API 13A và tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam TCVN 9395 : 2012

- **Bentonite LBM-BC**

- Nơi sản xuất: Nhà máy bentonite Hiệp Thành
- Loại sản phẩm: Bentonite bột
- Lĩnh vực sử dụng: Dùng cho lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực phân bón, xử lý môi trường và các ngành công nghiệp gốm sứ, xi măng, luyện kim.

- **Bentonite độ nhớt thấp (LBM – BS):**

- Nơi sản xuất: Nhà máy bentonite Hiệp Thành
- Loại sản phẩm: Bentonite bột
- Lĩnh vực sử dụng: sử dụng làm dung dịch khoan thăm dò địa chất, khoan giếng, làm vữa bơm phụt xử lý địa chất công trình, vữa chống thấm cho công trình thủy lợi, làm phụ gia khuôn đúc, thức ăn chăn nuôi,

- **Sản phẩm Bentonite chống thấm (LBM-CP):**

- Nơi sản xuất: Nhà máy bentonite Hiệp Thành
- Loại sản phẩm: Bentonite bột
- Lĩnh vực sử dụng: dùng trong lĩnh vực cọc xi măng đất được áp dụng rộng rãi trong việc xử lý móng và nền đất yếu cho công trình xây dựng giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng...như: làm tường hào chống thấm cho đê đập, sửa chữa thấm mang cống và đáy cống, gia cố đất xung quanh đường hầm, ổn định tường chắn, chống trượt đất cho mái dốc, gia cố nền đường, móng cầu dẫn...

Các nguồn nguyên liệu đầu vào tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng, được Công ty quản lý và khai thác. Hoạt động khai thác các mỏ nguyên liệu tại ngày 31/12/2017:

STT	Tên mỏ	Trữ lượng còn lại	Công suất khai thác	Ghi chú	Giá trị còn lại (tỷ đồng) (theo giá tính thuế tài nguyên)
1	Mỏ cao lanh Đa Quý	290.965	42.064	Quy về m ³ rời	55,92
2	Mỏ cao lanh Lộc Tân	444.067	64.253	Quy về m ³ rời	67,99
3	Mỏ Đá Cam Ly	1.620.463	145.000	Quy về m ³ rời	53,88
4	Mỏ Đá N'Thol hạ	1.046.497	58.000	Quy về m ³ rời	39,74
5	Mỏ Đá Tây Đại Lào	13.647.507	507.500	Quy về m ³ rời	447,65
6	Mỏ sét Tutra	178.139	32.500	Quy về m ³ rời	2,48
7	Mỏ sét Thạnh Mỹ	26.978	19.500	Quy về m ³ rời	2,30
8	Mỏ sét, bentonite Tam Bó	288.527	36.400	Quy về m ³ rời	82,65
Tổng cộng		17.823.332	925.153		752,61

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

7.2. Sản lượng sản phẩm dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần công ty mẹ năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	9 tháng 2018
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - văn phòng Công ty	22.144	30.494	37,71%	30.483
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	30.199	31.942	5,77%	22.785
Doanh thu gạch	24.303	26.388	8,58%	20.539
Doanh thu cao lanh	43.591	25.111	(42,39%)	18.691
Doanh thu bê tông	176.141	265.556	50,76%	258.364
Doanh thu bán turbin	-	127.510	-	-
Tổng cộng	296.379	498.000	68,03%	350.861

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

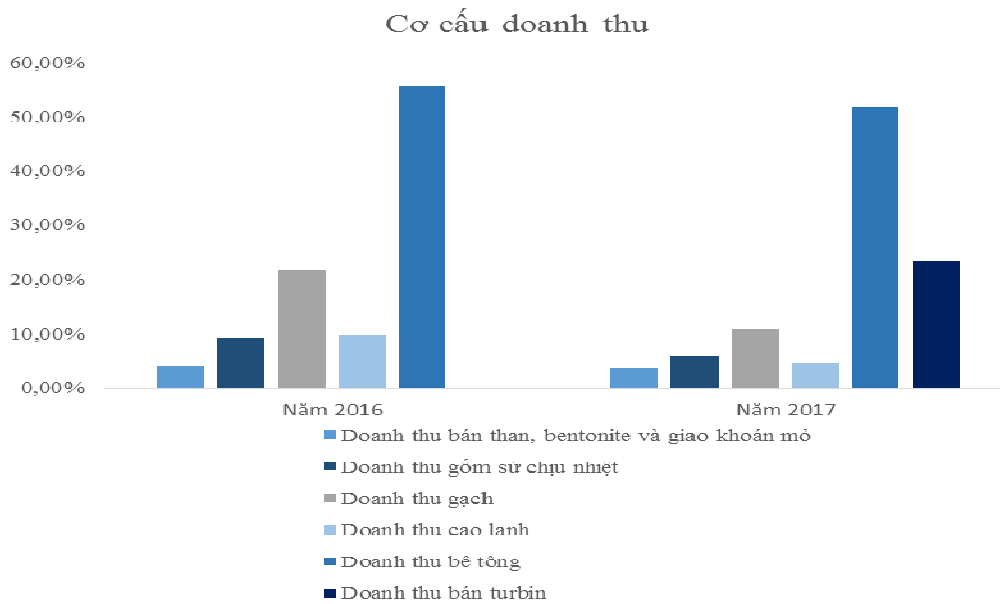
Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ	12.474	18.978	52,14%	3.772
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	30.199	31.942	5,77%	22.785
Doanh thu gạch	70.778	58.590	(17,22%)	60.715
Doanh thu cao lanh	31.936	25.111	(21,37%)	18.691
Doanh thu bê tông	181.886	280.341	54,13%	273.653
Doanh thu bán turbin	-	127.510	-	-
Tổng cộng	327.273	542.471	65,75%	379.616

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 nhìn chung có tăng trưởng hơn so với năm 2016. Doanh thu thuần năm 2017 tăng tương đương 65,75% so với năm 2016; cụ thể tăng từ 327,273 tỷ đồng năm 2016 lên 542,471 tỷ đồng năm 2017. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu sản phẩm của công ty là bê tông. Năm 2016, doanh thu từ bê tông chiếm 55,58%, đến năm 2017 chiếm 51,68% doanh thu bán hàng của Công ty. Trong khi đó, doanh thu từ bán than, bentonite và giao khoán mỏ cũng tăng hơn 52,14% so với cùng kỳ năm 2016. Nhìn chung cơ cấu các mặt hàng của LBM vẫn giữ được sự ổn định và có sự tăng trưởng khá tốt qua các năm.



Cơ cấu lợi nhuận gộp công ty mẹ năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
Than, bentonite và giao khoán mỏ	(1.993)	7.535	-	4.072
Gốm sứ chịu nhiệt	9.088	10.461	15,11%	6.717
Gạch	9.757	9.553	(2,09%)	7.202
Cao lanh	20.452	9.304	(54,51%)	7.318
Bê tông	43.021	47.948	11,45%	37.252
Turbin	-	955	-	-
Tổng cộng	80.325	85.756	6,76%	62.560

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
Than, bentonite và giao khoán mỏ	2.118	13.592	541,74%	1.240
Gốm sứ chịu nhiệt	9.088	10.461	15,11%	6.717
Gạch	30.999	28.336	(8,59%)	26.505
Cao lanh	20.451	9.304	(54,51%)	7.318
Bê tông	43.710	52.433	19,96%	45.263
Turbin	-	955	-	-
Tổng cộng	106.366	115.081	8,19%	87.043

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

7.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành

7.3.1. Tình hình đầu tư tại công ty mẹ

Trong năm 2017, Công ty đã kịp thời nắm bắt cơ hội của thị trường và thực hiện các hạn mục đầu tư như sau:

Mua cổ phần tại công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	:	7,7 tỷ đồng
Đầu tư mua xe, máy	:	29,4 tỷ đồng
Đầu tư mỏ đá và trạm bê tông Đại Lào, Bảo Lộc:	:	38,0 tỷ đồng
Đầu tư trạm bê tông huyện Di Linh:	:	2,1 tỷ đồng
Đầu tư vùng nguyên liệu	:	0,1 tỷ đồng
Tổng cộng	:	77,3 tỷ đồng

7.3.2. Đầu tư vào công ty con

❖ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành

Công ty con hoạt động độc lập trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gạch tuynen phục vụ ngành xây dựng. Năm 2017, doanh thu và sản lượng vẫn duy trì và tăng nhẹ so với năm 2016. Tuy nhiên Lợi nhuận giảm do Công ty tiến hành sửa chữa đầu tư máy móc thiết bị để nâng công suất. Bên cạnh đó, tiến hành đầu tư nhà máy sản xuất bentonite.

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	41.840	53.770	28,5%	61.51
2	Doanh thu thuần	46.649	46.702	0,1%	41.46
3	Lợi nhuận trước thuế	18.983	15.057	(20,6%)	14.69
4	Lợi nhuận sau thuế	15.194	12.071	(20,6%)	11.15

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

❖ Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát: Công ty con thực hiện nhiệm vụ quản lý và khai thác các vùng nguyên liệu đảm bảo theo quy định của Pháp luật. Trong năm 2017 đã hoàn thành nhiệm vụ cung ứng đủ sản lượng cho các nhà máy sản xuất, đảm an toàn trong công tác khai thác khoáng sản.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	9.412	10.243	8,8%	15.99
2	Doanh thu thuần	25.165	31.049	23,3%	21.18
3	Lợi nhuận trước thuế	3.430	5.674	65,4%	6.36
4	Lợi nhuận sau thuế	2.744	4.528	65,0%	5.09

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

❖ Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM - Đắk Nông

Công ty con hoạt động độc lập trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bê tông tươi tại thị trường Đắk Nông.

* Công ty TNHH MTV LBM Đắk Nông được công ty LBM mua lại từ tháng 8/2017.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	8.636	10.028	16,1%	12.44
2	Doanh thu thuần	8.465	27.674	120,9%	19.23
3	Lợi nhuận trước thuế	(2.270)	2.588	-	0,99
4	Lợi nhuận sau thuế	(2.270)	2.404	-	0,89

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

7.4. Một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của công ty

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	229.452	329.934	43,79%	313.564
2	Doanh thu thuần	296.379	498.000	68,03%	350.861
3	Giá vốn hàng bán	215.084	412.245	91,67%	288.301
4	Lợi nhuận gộp	81.295	85.756	5,49%	62.560
5	Doanh thu hoạt động tài chính	5.529	6.715	21,45%	7.591
6	Chi phí tài chính	200	530	165,00%	2.343
7	Chi phí bán hàng	12.633	14.798	17,14%	2.676
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.464	32.341	22,21%	25.396
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47.527	44.801	(5,74%)	39.736
10	Lợi nhuận khác	67	118	76,12%	(1.101)
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.594	44.920	(5,62%)	38.635
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.572	7.760	(9,74%)	6.681
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.022	37.160	(4,77%)	31.954
15	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng)	-	-	-	-

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	250.311	349.723	39,72%	321.972
2	Doanh thu thuần	327.273	542.471	65,75%	379.615
3	Giá vốn hàng bán	219.938	427.390	94,32%	292.573
4	Lợi nhuận gộp	107.335	115.081	7,22%	87.042
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.138	1.166	2,46%	433
6	Chi phí tài chính	200	530	165,00%	2.343
7	Chi phí bán hàng	12.731	15.039	18,13%	2.955
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.756	39.968	25,86%	30.439
9	Lợi nhuận từ HĐKD	63.787	60.710	(4,82%)	51.739
10	Lợi nhuận khác	158	(49)	-	(1.067)
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	63.945	60.661	(5,14%)	50.672
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.047	12.075	(7,45%)	11.601
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(99)	(27)	-	-373
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.996	48.614	(4,67%)	39.444
15	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng)	5.507	5.499	(0,15%)	4.384

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

Trong năm 2017, thị trường bất động sản trong nước tăng trưởng khá tốt, từ đó tạo điều kiện cho sự phát triển của các công ty trong lĩnh vực xây dựng và cung cấp vật liệu xây dựng, trong đó có LBM. Doanh thu thuần năm 2017 đạt 542.471 triệu đồng, tăng 65,75% so với năm 2016. Giá trị Tổng tài sản đạt 349.723 triệu đồng, tăng 39,72% so với năm 2016, đặc biệt trong năm LBM đã thực hiện tăng số lượng cổ phần tại Công ty con Hiệp Thành lên 80,4%. Qua đó chuyển Công ty CP Hiệp Thành thành Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành để giảm chi phí quản lý điều hành, tăng năng suất sản xuất để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2017, Thị phần bê tông thương phẩm trong toàn tỉnh Lâm đồng của Công ty có sự tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, đi cùng với mở rộng thị phần, Công ty đã chủ trương giảm giá bán đối với sản phẩm bê tông thương phẩm để phát triển ổn định. Ngoài ra, sản phẩm cao lanh tiêu thụ chậm do thị trường chưa có nhu cầu. Vì vậy, lợi nhuận trước thuế giảm nhẹ so với năm 2016. Công ty đang trong quá trình đầu tư, mở rộng quy mô, do đó cần có thời gian để quy trình sản xuất, kinh doanh đi vào ổn định và tăng trưởng.

7.5. Trình độ công nghệ

Liên tục trong những năm qua, Công ty đã tập trung đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư chiều sâu nhằm hoàn thiện công nghệ sản xuất, tăng năng lực sản xuất, chất lượng - sản lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm sản xuất và đã đạt trình độ công nghệ tiên tiến so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Cụ thể như sau:

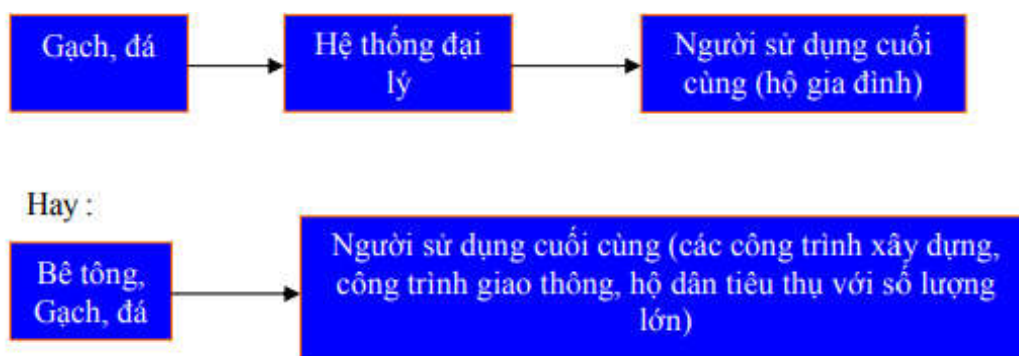
- Công nghệ chế biến cao lanh: Với công nghệ chế biến cao lanh của Xí nghiệp Hiệp Tiến, Công ty đã cho ra các sản phẩm cao lanh chất lượng cao thay thế cho cao lanh nhập khẩu từ các nước khác trong khu vực. Sản phẩm đã được xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc. Lĩnh vực sử dụng: sản xuất gốm sứ, vật liệu chịu lửa, sứ vệ sinh, sơn.
- Công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa: Trong năm 2010 Công ty đã đầu tư mở rộng xí nghiệp Hiệp An với thiết bị máy móc tiên tiến để nâng công suất và chất lượng sản phẩm. Đồng thời đa dạng hóa các mặt hàng vật liệu chịu lửa. Sản phẩm chủ yếu: ống sứ chịu nhiệt, 80% sản phẩm sản xuất ra xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Hàn Quốc sử dụng trong lĩnh vực rót đúc kim loại.
- Công nghệ sản xuất gạch ngói tuynen: Năm 2008 Công ty đã đầu tư 15 tỷ vào dây chuyền sản xuất gạch tuynen tại Xí nghiệp Thanh Mỹ để nâng công suất lên gấp đôi.
- Sản xuất theo công nghệ tiên tiến với hệ thống lò nung sấy tuynen (nhà máy Hiệp Thành - Công ty Cổ phần Hiệp Thành là nhà máy sản xuất gạch ngói theo công nghệ lò nung sấy – tuynen đầu tiên tại tỉnh Lâm Đồng ra đời năm 1997). Năm 2017 Công ty Hiệp Thành đã tiến hành đầu tư mới dây chuyền tạo hình gạch, qua đó giảm lao động, tăng công suất.
- Năm 2017, Công ty đã tiến hành xây dựng nhà máy chế biến Bentonite tại Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành, nhằm chế biến các sản phẩm từ mỏ nguyên liệu Bentonite của Công ty.
- Công nghệ sản xuất bê tông thương phẩm: Trong những năm qua, Công ty liên tục đầu tư mở rộng các trạm trộn trên phạm vi cả Tỉnh Lâm Đồng và Tỉnh Đắk Nông. Công ty chú trọng đầu tư máy móc thiết bị cũng như xe máy phục vụ với công nghệ tiên tiến. dần thay thế những công nghệ cũ trước đây. Hiện nay Công suất bê tông thương phẩm toàn công ty đã đạt trên 150.000m³/ năm.

7.6. Hoạt động Marketing

Công tác marketing tại Công ty ngày càng được Ban lãnh đạo chú trọng và được xem là nhiệm vụ tiên quyết trong việc nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Công ty luôn cam kết mang đến cho thị trường những sản phẩm chất lượng nhất, mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất khi sử dụng các sản phẩm của công ty.

7.6.1. Hoạt động tiếp thị theo từng loại sản phẩm

Đối với sản phẩm tiêu thụ nội tỉnh (gạch, đá, bê tông), hoạt động marketing sẽ do bộ phận bán hàng của các Xí nghiệp trực tiếp thực hiện. Sản phẩm được phân phối chủ yếu qua hai kênh phân phối sau:



Đối với các sản phẩm có thị trường tiêu thụ trên phạm vi cả nước và xuất khẩu (cao lanh, ống sứ chịu nhiệt): Phòng Kinh doanh của Công ty thực hiện công tác Marketing. Sản phẩm được tiêu thụ qua hai kênh phân phối trực tiếp đến các Công ty sản xuất công nghiệp và gián tiếp thông qua các Công ty thương mại.

Bên cạnh đó, các hoạt động marketing cho hoạt động xuất khẩu cũng được công ty đẩy mạnh. Hiện nay, 80% sản phẩm sứ chịu nhiệt phục vụ cho ngành luyện kim và hóa chất hiện nay được xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc với sản lượng và kim ngạch hằng năm tăng bình quân 10%/năm. Hiện tại Công ty cũng đã xuất khẩu hàng qua các Công ty thương mại đến thị trường Thái Lan, Indonesia. Công ty cũng định hướng sẽ phát triển mạng lưới phân phối sang thị trường Châu Âu.

Song song với việc duy trì và củng cố thị trường, thâm nhập và phát triển thị trường mới về lĩnh vực sử dụng lẫn địa bàn tiêu thụ, LBM không ngừng công tác quảng bá thương hiệu thông qua việc tham gia hội chợ chuyên ngành trong nước và hội chợ quốc tế.

7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

7.7.1. Logo Công ty:



Giải thích ý nghĩa: Màu đỏ bên trong, màu xanh bên ngoài biểu thị cho quan niệm sống của người Á Đông là “xanh vỏ, đỏ lòng”.

- Hình tam giác cách điệu :
 - Mái nhà Rông (ngôi nhà truyền thống của các dân tộc Tây nguyên);
 - Hình cây thông (một loại cây đặc trưng và phổ biến của Lâm Đồng);
 - Biểu thị giản đồ pha hệ 3 cấu tử trong công nghệ sản xuất vật liệu nung.
- Ba đường cong phối hợp kiểu tam giác: biểu thị sự sắp xếp hạt vật liệu.
- Hình tròn: biểu thị cho sự toàn vẹn.
- Ba đỉnh được phân bố đều trên hình tròn biểu thị cho: Thiên, địa, Nhân.
- LBM: Tên viết tắt của Lam Dong Minerals & Building Materials Joint Stock Company.

7.7.2. Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền

Nhằm phục vụ cho công tác quảng bá thương hiệu, từng bước khẳng định hàng hóa của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời nhận thực tầm quan trọng trong việc đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nhằm tránh tranh chấp về nhãn mác, trong những năm gần đây Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm sản xuất ra và đã tạo ra được vị thế nhất định trên thị trường. Người sử dụng đã quen với thương hiệu LBM với các nhãn mác: gạch tuynen Thanh Mỹ, cao lanh HTK, cao lanh DQK, ống sứ Hiệp An, bê tông Hiệp Lực.

Đồng thời kể từ năm 2002 thì thương hiệu LBM cũng đã được đăng ký bảo hộ tại cục sở hữu trí tuệ Việt Nam.

7.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên Khách Hàng	Sản Phẩm	Doanh thu dự kiến
1	Công ty BMT Fico	Cao Lạnh, VL chịu lửa	2.700.000.000
2	Công ty Mai Long Phú	Cao lạnh	6.000.000.000
3	Công ty Fritta	Cao lạnh	1.700.000.000
4	Công ty Con Q	VL chịu lửa	1.700.000.000
5	Công ty FNP	Cao lạnh	2.700.000.000
6	Công ty Maruto	Cao lạnh	600.000.000
7	Công ty Eun Sung	VL Chịu lửa	4.000.000.000
8	Công ty J-Won	Cao lạnh	1.200.000.000
9	Công ty Eun Sung	VL Chịu lửa	4.000.000.000
10	Công ty Jin Jin	VL chịu lửa	4.000.000.000
11	Công ty TNHH Xây dựng Thành An	Bê tông, gạch, đá	8.000.000.000
12	Công ty XD Số Một - Việt Nguyên	Bê tông, gạch	10.000.000.000
Tổng Cộng			46.600.000.000

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/ giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	229.452	329.934	43,79%	313.564
2	Tài sản cố định	94.323	120.185	27,42%	144.346
3	Doanh thu thuần	296.379	498.000	68,03%	350.861
4	Lợi nhuận từ HĐKD	47.527	44.801	(5,74%)	39.736
5	Lợi nhuận khác	67	118	76,12%	-1.101
6	Lợi nhuận trước thuế	47.594	44.920	(5,62%)	38.635
7	Lợi nhuận sau thuế	39.022	37.160	(4,77%)	31.954

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/ giảm	9 tháng 2018
1	Tổng giá trị tài sản	250.311	349.723	39,72%	321.972
2	Tài sản cố định	101.284	134.039	32,34%	156.283
3	Doanh thu thuần	327.273	542.471	65,75%	379.615
4	Lợi nhuận từ HĐKD	63.787	60.710	(4,82%)	51.739
5	Lợi nhuận khác	158	(49)	-	-1.067
6	Lợi nhuận trước thuế	63.945	60.661	(5,14%)	50.672
7	Lợi nhuận sau thuế	50.996	48.614	(4,67%)	39.444
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	15%	25%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Thuận lợi

- LBM có đội ngũ CBCNV năng động, sáng tạo, nội bộ đoàn kết. Tập thể CBCNV của LBM là sự kết hợp hài hòa giữa đội ngũ CBCNV trẻ, năng động, sáng tạo và một thế hệ các cán bộ có nhiều kinh nghiệm, tất cả đều trên dưới một lòng, nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất, tạo ra sức mạnh to lớn góp phần quan trọng vào sự thành công của công ty.
- Những năm gần đây, trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các vùng lân cận, xuất hiện nhiều nhà đầu tư, đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, giải trí, nghỉ dưỡng, xây dựng cơ sở hạ tầng... từ đó phát sinh nhu cầu lớn về nguồn vật liệu xây dựng.
- Nền kinh tế Việt Nam đã có chuyển biến tích cực và phát triển sau khi Việt Nam hội nhập sâu rộng với Thế giới. Đây là yếu tố thuận lợi cho ngành khai thác khoáng sản trong nước nói chung và Công ty nói riêng, ngày càng nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, học hỏi và chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
- Hệ thống phân phối của Công ty được củng cố, mở rộng, chính sách phân phối sản phẩm linh hoạt và hiệu quả.
- Trữ lượng nguyên liệu - khoáng sản tại các mỏ của công ty vẫn còn, ngoài ra Công ty đã nhận chuyển nhượng được mỏ Đá tại TP Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng với trữ lượng lớn giúp cho LBM chủ động được nguyên liệu đầu vào, đảm bảo cho kế hoạch phát triển lâu dài của công ty.
- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo UBND, các sở ban ngành tỉnh Lâm Đồng.

Khó khăn

- Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành khoáng sản và vật liệu xây dựng, đặc biệt là từ các công ty có nguồn lực mạnh. Sự cạnh tranh đã làm cho các loại chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý Công ty tăng nhanh.
- Việc thị phần của LBM chủ yếu tập trung ở Lâm Đồng và các tỉnh lân cận cũng là một hạn chế nhất định.

- Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng, vị trí và trữ lượng các mỏ là đặc biệt quan trọng. Dù công ty luôn tìm kiếm các mỏ mới nhưng vấn đề về thủ tục xin giấy phép cũng như tìm kiếm các mỏ phù hợp với công ty luôn là một khó khăn mà lãnh đạo LBM luôn phải đối mặt.
- Tình hình kinh tế toàn cầu luôn có sự biến động đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Giá cả nguyên vật liệu làm tăng các khoản chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động và lợi nhuận của công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành so với các Công ty cùng ngành nghề về quy mô tài sản và doanh thu hàng năm, LBM là Công ty có quy mô vừa. Dưới đây là một số số liệu của các công ty Việt Nam có ngành nghề tương tự và LBM tại thời điểm cuối năm 2017.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	LBM	ACE	ACC	BTD	VXB
I	Hiệu quả hoạt động và Tài sản, Nguồn vốn tính đến 31/12/2017					
1	Doanh thu thuần	542,47	256,82	276,20	966,65	208,43
2	Lợi nhuận trước thuế	60,66	18,65	33,31	58,85	6,39
3	Lợi nhuận sau thuế	48,61	15,01	26,40	46,87	5,11
4	Tổng Tài sản	349,72	119,75	332,88	646,77	187,34
5	Vốn chủ sở hữu	231,34	71,31	223,57	222,07	63,30
6	Vốn điều lệ	85	30,51	100,00	64,14	40,49
II	Một số chỉ tiêu tài chính tính đến 31/12/2017					
1	LNST/DTT	8,96%	30,88%	9,56%	4,85%	2,45%
2	LNST/VCSH	21,01%	21,05%	11,81%	21,11%	8,07%
3	LNST/ Tài sản	13,90%	12,53%	7,93%	7,25%	2,73%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD/DTT	11,19%	6,69%	11,30%	6,07%	1,19%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của các Công ty

Với quy mô vốn và tài sản, LBM là doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ, nhưng qua so sánh các chỉ tiêu đánh giá với một số doanh nghiệp tương đồng, LBM là doanh nghiệp có khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động tương đối cao. Riêng thuộc khu vực tỉnh Lâm Đồng, LBM là một đơn vị mạnh, kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất Vật liệu xây dựng và Khai thác chế biến khoáng sản. Từ một DN chỉ có 2 xí nghiệp trực thuộc năm 1994 với quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Tính đến nay, LBM đã có 5 đơn vị trực thuộc và 3 công ty con trực thuộc với công nghệ thiết bị tiên tiến và không ngừng phát triển về quy mô sản xuất.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành Vật liệu xây dựng tại Việt Nam

Cùng với xu hướng phát triển mạnh của ngành Xây dựng trong những năm vừa qua, nhu cầu về vật liệu xây dựng cũng tương ứng tăng nhanh. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, ngành Xây Dựng trong năm 2017 duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7%%, đóng góp 0,54 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung, đứng thứ ba trong số các ngành đóng góp điểm phần trăm vào mức tăng GDP cả nước. Bên cạnh đó, Chính phủ không ngừng đẩy mạnh tái cơ cấu, cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc bộ xây dựng, góp phần giúp hoạt động đầu tư, kinh doanh có khởi sắc. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh của 15 Doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đạt 104% kế hoạch năm, tăng 11,1% so với năm 2016.

Hơn thế nữa, theo Đề án Tái cơ cấu ngành Giao thông Vận tải, trong đó, đề án yêu cầu lĩnh vực đường bộ đến năm 2020 tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thành 2.000 km đường cao tốc. Theo tính toán của Bộ Giao thông Vận tải, tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 ước tính khoảng 1.015.000 tỷ đồng (khoảng 48 tỷ USD, là nhu cầu vốn đầu tư cho các công trình giao thông do Bộ Giao thông Vận tải, các Tổng Công ty nhà nước quản lý và các công trình chủ yếu tại Hà Nội, TP.HCM). Trong đó, đường bộ có nhu cầu khoảng 651.000 tỷ đồng. Ngoài ra, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông 2020, định hướng 2030, tổng giá trị đầu tư dự kiến cho đường bộ cao tốc là 392.379 tỷ đồng (tương đương hơn 49.000 tỷ đồng mỗi năm). Với những yếu tố đó, các doanh nghiệp trong ngành đá xây dựng nói chung và LBM nói riêng vẫn được đánh giá cao với nhiều tiềm năng phát triển.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Các kế hoạch định hướng của Công ty trong thời gian tới

Năm 2017 với tình hình sản xuất – kinh doanh cạnh tranh quyết liệt, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp có tăng trưởng, thị trường bê tông phát triển tốt. Kế hoạch và định hướng của Công ty trong thời gian tới như sau:

Về tổ chức quản lý:

- Tập trung rà soát, điều chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động cho từng loại sản phẩm phù hợp với công nghệ, thiết bị hiện có.
- Đánh giá nguồn nhân lực để có thể bố trí, điều chuyển, đào tạo và tuyển dụng phù hợp đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.
- Hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008 để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động.

Về Sản xuất kinh doanh:

- Chú trọng về công tác thu hồi công nợ nhằm lành mạnh về tài chính, giảm rủi ro và tăng hiệu quả sử dụng vốn. Hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi và phân loại nợ để có các biện pháp thu hồi công nợ cụ thể.
- Kiểm tra, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất, quy trình vận hành máy móc thiết bị, duy tu, bảo dưỡng nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn

đã công bố và cam kết với khách hàng, hạn chế sự cố kỹ thuật và không để xảy ra tai nạn lao động

- Tiếp tục rà soát để hoàn thiện các cơ chế quản lý, quy trình làm việc, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình bán hàng...
- Tăng cường công tác kiểm soát, nhất là kiểm soát chi phí sản xuất, kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, đầu ra và có biện pháp chế tài nhằm tiết giảm chi phí
- Tìm kiếm, khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng để đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất
- Phát triển thị trường xuất khẩu các sản phẩm cao lanh và ống sứ chịu nhiệt

Về Tài chính

- Theo dõi, kiểm soát các chi phí sản xuất tại các Xí nghiệp trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành nhằm quản lý giá thành và kịp thời chấn chỉnh những chi phí bất hợp lý
- Luôn kiểm soát dòng tiền luân chuyển, tăng vòng quay vốn nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn cho hoạt động sản xuất – kinh doanh
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo thanh toán đến hạn, hạn chế nợ quá hạn và không để phát sinh nợ xấu.

Đánh giá sự phù hợp

Qua sự đánh giá, phân tích tình hình về tốc độ phát triển của ngành Xây dựng trong thời gian tới cũng như tiến trình phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ, có thể nói chiến lược và định hướng phát triển của LBM là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến ngày 30/06/2018 là 516 người với cơ cấu như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	449	100,0%
	Trình độ đại học, cao đẳng	91	20,2%
	Trình độ trung cấp	27	6,0%
	Trình độ lao động phổ thông	331	73,8%
II	Theo loại hợp đồng lao động	449	100,0%
	Hợp đồng không thời hạn	369	81,1%
	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	80	18,9%
III	Theo tính chất lao động	449	100,0%
	Trực tiếp sản xuất	373	83,0%

	Không trực tiếp sản xuất	76	17,0%
IV	Theo giới tính	449	100,0%
	Nam	348	77,5%
	Nữ	101	22,5%

Nguồn: CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

Chính sách đào tạo và phát triển

Công ty xem đào tạo và phát triển là một sự đầu tư dài hạn tích cực cho đội ngũ CBCNV, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Các hoạt động bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn luôn được quan tâm đúng mực. Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty cũng như của cơ quan Nhà Nước. Cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn hạn để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Vận động, tạo sự gắn bó mật thiết giữa công nhân lao động và cấp quản lý nhằm tạo môi trường làm việc vui vẻ, tăng động lực làm việc cho toàn thể công nhân viên lao động. Luôn quan tâm, chăm sóc sức khỏe của người lao động một cách đúng mức, đảm bảo tốt các quyền lợi của người lao động như: các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ,...

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần. Bên cạnh đó, các công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, vì một môi trường làm việc an toàn, giúp cán bộ, nhân viên lao động an tâm thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên.

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội qui Công ty, tuân

thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau: Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực hiện nghị quyết về việc này.

Tỷ lệ chia cổ tức qua từng năm:

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá	Hình thức chi trả	Tình trạng
2014	10%	Tiền mặt	Đã chi trả
2015	25%	Tiền mặt	Đã chi trả
2016	15%	Tiền mặt	Đã chi trả
2017	25%	Tiền mặt	Đã chi trả

Nguồn: CTCP khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng

12. Tình hình tài chính

12.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

12.2. Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	02 – 16 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

12.3. Mức lương bình quân:

Lương nhân viên bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2017 là 7.982.338đồng/tháng/người. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

12.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng.

12.5. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... theo các quy định của Nhà nước.

12.6. Trích lập các quỹ theo luật định:

Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm 2016 và năm 2017 như sau:

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	19.131	19.131	72.429
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	518	518	518
Tổng cộng		19.649	19.649	72.947

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	23.555	23.555	76.853
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	896	884	882
Tổng cộng		24.451	24.439	77.736

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

12.7. Tổng dư nợ vay:**Công ty mẹ***Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-

*Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018***Báo cáo tài chính hợp nhất***Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018***13. Tình hình công nợ hiện nay:****13.1. Các khoản phải thu của Công ty**

Tình hình nợ phải thu tại thời điểm cuối năm 2016, 2017 và 30/09/2018 như sau:

Công ty mẹ*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Các khoản phải thu NH	85.015	126.891	75.306
2	Phải thu khách hàng	58.194	131.205	72.695
3	Trả trước cho người bán	23.881	2.098	8.673
4	Các khoản phải thu khác	14.031	8.395	10.647
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(11.092)	(14.807)	(16.710)
6	Các khoản phải thu dài hạn	1.152	1.065	1.297
7	Phải thu dài hạn khác	1.152	1.065	1.297
	Tổng cộng	86.167	127.956	76.603

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Các khoản phải thu NH	85.359	129.227	71.208
2	Phải thu khách hàng	62.054	137.713	74.647
3	Trả trước cho người bán	24.447	2.128	8.671
4	Các khoản phải thu khác	11.062	5.320	5.728
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(12.204)	(15.936)	(17.838)
6	Các khoản phải thu dài hạn	1.152	1.065	1.297
7	Phải thu dài hạn khác	1.152	1.065	1.297
	Tổng cộng	86.512	130.292	72.505

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

Tình hình nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016, 2017 và 30/09/2018 như sau:
Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Nợ ngắn hạn	66.848	128.969	93.395
2	Phải trả cho người bán	20.179	98.577	39.235
3	Người mua trả tiền trước	37.294	16.548	32.074
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.702	2.655	3.659
5	Phải trả cho người lao động	5.300	5.836	12.013
6	Chi phí phải trả	1.085	3.798	3.870
7	Các khoản phải trả khác	769	1.037	2.025
8	Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	518	518	518
11	Nợ dài hạn	-	-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	66.848	128.969	93.395

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2017 đã kiểm toán và BCTC công ty mẹ quý III năm 2018

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Nợ ngắn hạn	59.564	117.399	63.297
2	Phải trả cho người bán	14.889	92.880	26.642
3	Người mua trả tiền trước	27.969	2.911	7.698
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	5.241	5.960	7.297
5	Phải trả cho người lao động	7.494	9.478	14.775
6	Chi phí phải trả	1.091	3.974	3.871
7	Các khoản phải trả khác	936	1.311	2.132
8	Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.047	-	-
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	896	884	882
11	Nợ dài hạn	987	987	987
12	Dự phòng phải trả dài hạn	987	987	987
	Tổng cộng	60.550	118.386	64.284

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ		Công ty hợp nhất	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,61	1,22	2,33	1,61
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,38	1,06	1,95	1,35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,39	0,24	0,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,41	0,64	0,32	0,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14,32	22,44	10,08	15,99
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,47	1,78	1,50	1,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,17	7,46	15,58	8,96
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,15	20,44	29,84	23,09
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	19,41	13,29	23,35	16,20
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	16,04	9,00	19,49	11,19
Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần					
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	-	-	5.507	5.499

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ số này cho thấy khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu để công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng kiệt quệ tài chính. Nhìn chung, khả năng thanh toán của LBM vẫn ở mức khá an toàn khi 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi hơn khoảng 1,5 đồng tài sản ngắn hạn.

Trong báo cáo hợp nhất của công ty, hệ số thanh toán ngắn hạn của LBM giảm từ 2,33 lần xuống còn 1,61 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng có sự sụt giảm từ 1,95 lần còn 1,35 lần, nguyên nhân chủ yếu do sự gia tăng trong khoản mục nợ ngắn hạn mà cụ thể là nợ phải trả cho người bán tăng từ 14,89 tỷ đồng năm 2016 lên 92,88 tỷ đồng năm 2017. Điều này cũng cho thấy phần nào vị thế của LBM đối với nhà cung cấp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2017, cụ thể tỷ lệ nợ/ tổng tài sản tăng từ 0,24 lần năm 2016 lên 0,34 lần năm 2017, nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 0,32 lần lên 0,51 lần. Việc gia tăng này chủ yếu đến từ khoản nợ phải trả người bán như đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, có thể thấy việc gia tăng này xuất phát từ việc gia tăng trong doanh thu trong năm của công ty từ 327,27 tỷ đồng năm 2016 lên 542,47 tỷ đồng năm 2017, thêm vào đó, việc không sử dụng nợ vay trong cơ cấu nợ cùng với tỷ lệ nợ đang còn ở mức khá thấp cho thấy khả năng tài chính lành mạnh của LBM.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Những chỉ số năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2017. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 10,08 lần lên 15,99 lần cho thấy sự hiệu quả trong công tác quản lý hàng tồn kho, lượng hàng xuất và lưu kho trong năm nay. Đồng thời, hiệu suất sử dụng tài sản có xu hướng tăng từ 1,50 lên 1,81 lần, nguyên nhân do tốc độ tăng của tổng tài sản thấp hơn so với đà tăng trưởng của doanh thu; cụ thể doanh thu thuần tăng 65,75%, đạt 542,471, trong khi tổng tài sản tăng 39,72% đạt 349,723 tỷ đồng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2017, Công ty đã đẩy mạnh việc đầu tư mở rộng quy mô các trạm bê tông và các máy, xe để mở rộng thị phần kinh doanh trên toàn tỉnh Lâm Đồng, do đó doanh thu thuần hợp nhất của LBM tăng 65,75%. Tuy nhiên, trong năm 2017 Công ty ghi nhận khoản mục giá vốn hàng nhập turbin là 126,55 tỷ đồng, điều này làm giá vốn hàng bán năm 2017 tăng mạnh so với 2016 (giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần tăng từ 67,20% lên 78,79%). Điều này làm lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 48,614 tỷ đồng, giảm 4,67% so với năm 2016 (50,996 tỷ đồng). Theo đó, tỷ số ROE giảm từ 29,84% còn 23,09% cho thấy 1 đồng vốn chủ sở hữu có thể mang lại 0,23 đồng lợi nhuận sau thuế cho cổ đông, hệ số ROA giảm mạnh từ 23,35% còn 16,20%, hệ số ROS giảm từ 15,58% còn 8,96%, lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần giảm từ 19,49% còn 11,19%.

14. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1964	250412901
2	Hầu Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	1966	250470269
3	Nguyễn An Thái	Thành viên HĐQT	1966	250376502
4	Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	1961	250568114
5	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT	1976	250783035
6	Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT	1978	025029453
7	Lương Minh Nhật	Thành viên HĐQT	1956	021731144

❖ Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	07/04/1964
Quê quán	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	70 Pasteur, TP Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250412901 cấp ngày 14/12/2015 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Quá trình công tác:	
09/1981 – 9/1986	Sinh viên trường Đại học Thủy lợi Hà Nội
10/1986 – 9/1987	Nhân viên kỹ thuật TT ĐH 2 Đại học Thủy lợi Hà Nội
10/1987 – 4/1996	Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản – Công ty công nghiệp đá xuất khẩu Lâm Đồng
05/1996 – 3/1998	Q.Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng
04/1998 – 7/2000	Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng
08/2000 – 10/2012	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XD Thủy lợi Lâm Đồng
11/2012 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XD Thủy lợi Lâm Đồng
01/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
04/2011 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	1.735.060 cổ phiếu chiếm 20,41%/ vốn điều lệ
<i>Số cổ phần đại diện CTCP Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</i>	<i>1.721.586 cổ phiếu chiếm 20,25%/ vốn điều lệ</i>
<i>Số cổ phần cá nhân nắm giữ</i>	<i>13.474 cổ phiếu chiếm 0,16%/ vốn điều lệ</i>
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/05/1966
Quê quán	Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	27 Thiên Thành, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Nơi sinh	Vinh Mỹ, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250470269 cấp ngày 17/09/2003 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
01/1988 –11/1991	Kế toán lực lượng Thanh niên xung phong tỉnh Lâm Đồng
12/1992–3/1999	Kế toán trưởng Xí nghiệp sản xuất vật liệu - Công ty công nghiệp đá xuất khẩu Lâm Đồng
04/1999 –04/2000	Kế toán Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng
05/2000 –07/2000	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
08/2000 - 2016	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
2017- nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng
2015 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
2013 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	1.100.000 cổ phiếu chiếm 12,94%/ vốn điều lệ
<i>Số cổ phần đại diện CTCP Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</i>	<i>1.100.000 cổ phiếu chiếm 12,94%/ vốn điều lệ</i>
<i>Số cổ phần cá nhân nắm giữ</i>	<i>0 cổ phiếu chiếm 0%/ vốn điều lệ</i>
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Nguyễn An Thái - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	28/04/1966
Quê quán	Phù Cát, Vĩnh Phúc, Bình Định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	17 Hẻm Hoàng Diệu, phường 5, Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	Phù Cát, Vĩnh Phúc, Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250376502, cấp ngày 15/10/2006 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử sư hóa
Quá trình công tác:	
05/1990 –12/1996	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
01/1997 –12/2002	Trưởng phòng Kỹ thuật Xí nghiệp sứ Lâm Đồng
01/2003 – 04/2003	Cán bộ kỹ thuật Công ty VLXD Lâm Đồng
05/2003 –09/2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
10/2006 –06/2011	Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
07/2011 –2016	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
04/2016 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
2016 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
2016 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắc Nông Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Nguyễn Quang Trung - Thành viên Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/01/1961
Quê quán	Hương Thủy, Hương Khê, Hà Tĩnh
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	65 Lương Thế Vinh, phường 1, Bảo Lộc, Lâm Đồng.
Nơi sinh	Hương Thủy, Hương Khê, Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250568114 cấp ngày 23/8/2007 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Quá trình công tác:	
11/1978 – 09/1982	Đi bộ đội
10/1982 – 10/1988	Sinh trường Đại học thủy lợi Hà Nội
11/1988 – 5/1990	Kỹ sư thủy lợi, cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây dựng thủy lợi
06/1990 – 03/2002	Đội trưởng đội xây lắp Công ty xây dựng thủy lợi 1 Lâm Đồng
04/2002 – 10/2012	Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
11/2012 – 07/2014	Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
07/2014 – 04/2016	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
2016 – nay	Nghỉ hưu
04/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	1.118.100 cổ phiếu chiếm 13,15%/ vốn điều lệ
<i>Số cổ phần đại diện CTCP Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</i>	<i>1.100.000 cổ phiếu chiếm 12,94%/ vốn điều lệ</i>
<i>Số cổ phần cá nhân nắm giữ</i>	<i>18.100 cổ phiếu chiếm 0,21%/ vốn điều lệ</i>
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Lê Văn Quý - Thành viên Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	24/03/1976
Quê quán	Trực Ninh, Nam Định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Căn F405 Chung cư 69 Hùng Vương, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Nơi sinh	Trực Ninh, Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250783035 cấp ngày 16/05/2016 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư thủy lợi
Quá trình công tác:	
07/1999 –07/2007	Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật Công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Lâm Đồng
08/2007 –01/2012	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
01/2012 –04/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
04/2016– nay	Thành viên HĐQT kiêm phó TGD Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng
04/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	1.100.000 cổ phiếu chiếm 12,94%/ vốn điều lệ
<i>Số cổ phần đại diện CTCP Đầu tư và xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng</i>	<i>1.100.000 cổ phiếu chiếm 12,94%/ vốn điều lệ</i>
<i>Số cổ phần cá nhân nắm giữ</i>	<i>0 cổ phiếu chiếm 0%/ vốn điều lệ</i>
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Trần Hùng Phương - Thành viên Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/04/1978
Quê quán	Long An
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Block E, tầng 17, căn số 1, C/C Phú Thạnh, 53 Nguyễn Sơn, P.Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Long An
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	025029453 cấp ngày 12/11/2015 tại CA Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - ngành ngoại thương
Quá trình công tác:	
2001 - 2003	Nhân viên bán hàng Công ty Vinh Nam, Công ty Thiên Đình, VPĐD Công ty Daeco Hàn Quốc
2003 - 2007	Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP XNK Nam Thái Sơn
2007 - 2013	Trưởng phòng kinh doanh VPĐD Tập đoàn Daelim Hàn Quốc
2016	Thành viên góp vốn Công ty TNHH Đồng Hành xanh
2013 – nay	Giám đốc Công ty Nhựa và Hóa chất Polychem
4/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Công ty Nhựa và Hóa chất Polychem
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	660.130 cổ phiếu, chiếm 7,77%/ vốn điều lệ
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Lương Minh Nhật - Thành viên Hội đồng Quản trị

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/12/1956
Quê quán	Định Hóa - Thái Nguyên
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	111 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Định Hóa - Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	021731144 cấp ngày 26/3/2010 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
06/1974 – 02/1980	Đi bộ đội
02/1980 - 1990	Nhân viên lao động tiền lương Xí nghiệp Gạch Bông Đức Tân
1990 - 1996	Phụ trách phòng Tổ chức lao động tiền lương Xí nghiệp Gạch Bông Đức Tân
11/1996 –06/1997	Chuyên viên phòng Tổ chức Lao động tiền lương Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1
07/1997 –04/2000	Trưởng phòng Tổ chức Công ty kinh doanh vật tư và XNK Vật liệu xây dựng
05/2000 –01/2003	Phó Giám đốc Công ty kinh doanh vật tư và XNK Vật liệu xây dựng
02/2003 –01/2005	Giám đốc kinh doanh vật tư và XNK Vật liệu xây dựng
02/2005 – 2017	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
2017 – nay	Nghỉ hưu
2006 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	4.124 cổ phiếu, chiếm 0,05%/ vốn điều lệ
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Kiểm Soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng Ban Kiểm Soát	1965	023243737
2	Ông Lê Thanh Hòa	Kiểm soát viên	1979	250858755
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kiểm soát viên	1987	014187000015

❖ Ông Vũ Ngọc Phách – Trưởng ban kiểm soát

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	23/11/1965
Quê quán	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	215/75 Nguyễn Xi, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	023243737 cấp ngày 20/6/2014 tại CA Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
01/1989 –06/1997	Kế toán vật tư Công ty Xây dựng 46 - Tổng Công ty Thủy Lợi 4.
07/1997 –12/2004	Phó phòng kế toán tài chính Công ty kinh doanh vật tư và XNK Vật liệu xây dựng
01/2005 –04/2008	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
04/2008 –04/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
05/2015–06/2017	Giám đốc tài chính, phụ trách về tài chính, UV HĐQT Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
06/2017 – nay	Phó Tổng Giám đốc, phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
2007– nay	Trưởng BKS Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc, phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và kinh doanh vật liệu xây dựng Fico
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phiếu, chiếm 0,05%/ vốn điều lệ
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Lê Thanh Hoà – Kiểm soát viên:

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/09/1979
Quê quán	Đức Nhuận, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thửa 243, TBD 16, hẻm Vạn Hạnh, phường 8, Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250858755 cấp ngày 16/6/2008 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán, cử nhân kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
06/2002 –10/2011	Kế toán Trung tâm Nông nghiệp Tp. Đà Lạt
11/2011 –04/2013	Nhân viên CLB bóng đá Xổ số kiến thiết Lâm Đồng
05/2013 – 07/2013	Nhân viên phòng kinh doanh Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
07/2013 –12/2015	Phó phòng kinh doanh Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
01/2016 – 02/2016	Phó phòng tổ chức nhân sự Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
03/2016 - nay	Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
4/2016 - nay	Kiểm soát viên Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Kiểm soát viên, Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm soát viên:

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/01/1987
Quê quán	Nam Định
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	C402 Chung cư Nguyễn Lương Bằng, phường 2, Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	0141870000015 cấp ngày 06/6/2014 tại cục cảnh sát ĐKQLCT và DLQG về Dân cư
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán
Quá trình công tác:	
2009 - nay	Kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2016 - nay	Kiểm soát viên Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Kiểm soát viên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kế toán viên Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Nguyễn An Thái	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1966	250376502
2	Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng giám đốc	1972	250666692
3	Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng giám đốc	1981	250882588
4	Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng giám đốc	1979	250414115
	Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng giám đốc	1975	250408862
5	Ông Lê Nam Đồng	Kế toán trưởng	1980	250434373

❖ Ông Nguyễn An Thái - Tổng Giám đốc

Xem lại phần SYLL của Hội đồng quản trị

❖ Ông Trần Đại Hiền - Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/10/1972
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	29/6 Trần Bình Trọng, phường 5, Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250666692 cấp ngày 23/10/2003 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12-Dec
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản lý SXKD Công nghiệp
Quá trình công tác:	
1995 - 2003	Nhân viên kế hoạch Công ty Công nghiệp đá xuất khẩu Lâm Đồng
2003 - 2011	Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và xây dựng thủy lợi Lâm Đồng
2011 - nay	Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2017 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng ban kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	1.750 cổ phiếu, chiếm 0,02%/ vốn điều lệ
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Vợ: Bà Lê Nguyễn Hoài Thu, sở hữu 6.150 cổ phiếu, chiếm 0,07%/ vốn điều lệ

❖ Ông Lê Cao Quang - Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1981
Quê quán	Quảng Ngãi
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	E12 Trần Quang Diệu, phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng.
Nơi sinh	Cam Ranh, Khánh Hòa
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250882588 cấp ngày 15/1/2009 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng, chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp
Quá trình công tác:	
2002 - 2008	Cán bộ kỹ thuật tại Xí nghiệp Xây lắp - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2008 - 2009	Chuyên viên kỹ thuật Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2009 - 2012	Phó Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2013 - 2016	Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng, Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng, Giám đốc Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	12.552 cổ phiếu, chiếm 0,15%/ vốn điều lệ
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Nguyễn Quang Duyệt - Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/02/1979
Quê quán	Can Lộc, Hà Tĩnh
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Thửa 1228, TBD số 7, Lữ Gia, phường 9, Đà Lạt, Lâm Đồng
Nơi sinh	Can Lộc, Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250414115 cấp ngày 01/12/2014 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học, chuyên ngành hóa học
Quá trình công tác:	
2004 - 2011	Cán bộ Phòng Kỹ thuật - sản xuất Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2011 - 2014	Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2015 - 2017	Giám đốc XN Hiệp Tiến - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2017 - 2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc XN Hiệp Tiến - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc XN Hiệp An - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc XN Hiệp An - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	9 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Nguyễn Thanh Toàn - Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	29/06/1975
Quê quán	Đà Lạt
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	18/3 Hồ Xuân Hương, phường 9, Đà Lạt
Nơi sinh	Đà Lạt, Lâm Đồng.
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250408862 cấp ngày 30/03/1994 tại CA Lâm Đồng.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư, chuyên ngành kỹ thuật điện - điện tử
Quá trình công tác:	
2001 - 2009	Cán bộ kỹ thuật sản xuất tại Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2009 - 2011	Phó Phòng Kỹ thuật - sản xuất Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2011 - 2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
2012 - 2014	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực
2015 - 2016	Trưởng phòng Kỹ thuật - sản xuất Công ty Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
2016 - 2017	Giám đốc Xí nghiệp Gạch ngói tuynen Thạnh Mỹ, kiêm trưởng phòng kỹ thuật - sản xuất
2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng Giám đốc Xí nghiệp Gạch ngói tuynen Thạnh Mỹ, kiêm trưởng phòng kỹ thuật-sản xuất - Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Gạch ngói tuynen Thạnh Mỹ, kiêm trưởng phòng kỹ thuật - sản xuất
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	2 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

❖ Ông Lê Nam Đồng - Kế toán trưởng

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	08/08/1980
Quê quán	Quảng Bình
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	52/4 Vạn Hạnh, phường 8, Đà Lạt
Nơi sinh	Quảng Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	250434373 cấp ngày 26/11/2008 tại CA Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
2002 - 2004	Kế toán Công ty CP Xây lắp Thương mại 2, Tp. Hồ Chí Minh
2004 - 2014	Kế toán Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
2012-2013	Thành viên BKS Công ty Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
2014 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên kiểm soát Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ	6 cổ phiếu
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

15. Tài sản

15.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại 30/09/2018:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	370.674	215.584	155.090
Nhà cửa, vật kiến trúc	61.403	39.786	21.617
Máy móc, thiết bị	186.146	119.441	66.705
PT truyền tải, TB truyền dẫn	121.509	54.843	66.666
Thiết bị, dụng cụ quản lý	779	677	103
Cây lâu năm	521	521	0
TSCĐ hữu hình khác	316	316	0
Tài sản cố định vô hình	5.380	4.186	1.194
Quyền sử dụng đất	2.335	1.141	1.194
Chi phí thăm dò hầm mỏ	2.529	2.529	0
Phần mềm máy tính	516	516	0
Tổng cộng	376.054	219.770	156.284

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III năm 2018

15.2. Bất động sản đầu tư

15.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	960	6.398	6.398
	Tổng cộng	960	284	6.398

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III năm 2018

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
	Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2018
Doanh thu thuần	418.000.000.000	460.300.000.000
Lợi nhuận trước thuế	45.000.000.000	57.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	37.300.000.000	45.850.000.000
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,9%	9,9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	43,8%	53,9%
Cổ tức	20% - 25%	

Nguồn: Số liệu kế hoạch Công ty theo Nghị quyết, Biên bản ĐHCĐ 2018 ngày 21/04/2018.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch:

Về tổ chức- quản lý:

Rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức lao động cho từng loại sản phẩm phù hợp với công nghệ, thiết bị hiện có.

Đánh giá nguồn nhân lực để có kế hoạch bố trí, điều chuyển, đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SX-KD của công ty.

Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Về sản xuất kinh doanh:

Chú trọng công tác thu hồi công nợ nhằm lành mạnh về tài chính, giảm rủi ro và tăng hiệu quả sử dụng vốn. Hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi. Phân loại nợ để có biện pháp thu hồi công nợ cụ thể: khởi kiện ra tòa, phân định trách nhiệm thu hồi công nợ hoặc thuê dịch vụ đòi nợ.

Kiểm tra giám sát, thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất, quy trình vận hành máy móc thiết bị, duy tu, bảo dưỡng nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố và cam kết với khách hàng, hạn chế sự cố kỹ thuật và không để xảy ra tai nạn lao động;

Tiếp tục rà soát để hoàn thiện các cơ chế quản lý, quy trình làm việc, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình bán hàng...

Tăng cường công tác kiểm soát, nhất là kiểm soát chi phí sản xuất, kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, đầu ra và có biện pháp chế tài nhằm tiết giảm chi phí.

Tìm kiếm, khảo sát, đánh giá chất lượng để đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Phát triển thị trường xuất khẩu các sản phẩm cao lanh và ống sứ chịu nhiệt.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trong ngành, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:

Không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 1.500.000 cổ phần
 - **Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá:** 15.000.000.000 đồng
 - **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 85.000.000.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng: 15.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
 - **Đối tượng phát hành:** Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai.
 - **Phương án phát hành cụ thể cho từng đối tượng như sau:**
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 1.500.000 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000 đồng.
 - Phương thức chào bán: Đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giá khởi điểm đấu giá: Ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá khởi điểm nhưng không thấp hơn 30.000 đồng/cổ phiếu.
 - Tổng khối lượng vốn tối thiểu huy động dự kiến: 45.000.000.000 đồng.
 - Mục đích chào bán:
 - Huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - Mở rộng khả năng để các đối tượng công chúng có khả năng tài chính, kinh nghiệm kinh doanh tham gia góp vốn và trở thành cổ đông của công ty.
 - Đối tượng phát hành: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phiếu của CTCP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
 - Ủy quyền cho HĐQT phối hợp cùng Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phiếu theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành và xử lý các vấn đề liên quan đến việc đấu giá cổ phiếu công ty.
 - Điều khoản chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm thông qua việc đấu giá thành công không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - **Nguyên tắc xử lý cổ phiếu không chào bán hết:**
 - Số lượng cổ phiếu đấu giá không thành công sẽ được HĐQT tiếp tục chào bán cho những nhà đầu tư trúng đấu giá có nhu cầu với giá không thấp hơn giá đấu thành công bình

quân.

- Cổ phiếu phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đảm bảo nguyên tắc không phát hành quá 10% vốn điều lệ của tổ chức phát hành cho một tổ chức, cá nhân hay một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật số 62/2010/QH12, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
- **Thời gian dự kiến phát hành:** Dự kiến thực hiện trong năm 2018, sau khi có Quyết định chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá. Thời điểm tổ chức đấu giá được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- **Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:** Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng bổ sung nguồn vốn lưu động nhằm đầu tư phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết và chủ động điều chỉnh khi cần thiết.
- Thông qua việc Nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá cổ phiếu dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu vượt quá các mốc theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung luật chứng khoán số 62/2010/QH12 không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Thông qua việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số lượng cổ phiếu mới phát hành.
- Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

4. Phương pháp tính giá:

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV).

4.1. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2018

$$\begin{aligned}
 \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} &= \text{số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ} \\
 \text{tại thời điểm 30/09/2018} &= 8.500.000 - 0 = 8.500.000 \text{ cổ phần}
 \end{aligned}$$

4.2. Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu LBM tại thời điểm 30/09/2018 theo BCTC hợp nhất quý III năm 2018:

$$\text{Giá trị sổ sách/ 01 cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu-Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{257.689.028.823 - 2.460.333.737}{8.500.000} = \mathbf{30.027 \text{ đồng/cp}}$$

4.3. Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành tại ngày 30/09/2018

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
1	Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	Lần	5,30	1,64
2	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	Lần	7,39	0,83
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Lần	6,39	0,53
	Bình quân	Lần	5,66	1,41

Nguồn: FPTS tổng hợp

4.4. Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên EPS 4 quý gần nhất của LBM theo BCTC hợp nhất quý IV năm 2017, BCTC hợp nhất quý I, II, III năm 2018 và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Thu nhập trên 01 cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	5.294
Hệ số bình quân P/E của các công ty cùng ngành	Lần	5,66
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	Đồng/cổ phiếu	29.947

4.5. Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 30/09/2018 của LBM và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 30/09/2018 (a)	Đồng	30.027
Hệ số bình quân P/BV của các công ty cùng ngành (b)	Lần	1,41
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)	Đồng/cổ phiếu	42.210

4.6. Kết luận

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	29.947	50%
Phương pháp so sánh P/BV	42.210	50%
Trung bình gia quyền	36.078	100%

Theo kết quả tính toán ở trên, giá cổ phiếu bình quân của Công ty là **36.078 đồng/cổ phần**. Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, Hội đồng quản trị thông qua giá khởi điểm chào bán cổ phiếu là: 30.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương thức phân phối:

Nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu LBM thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

6. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCK	D	LBM, FPTSI
2	Công bố thông tin theo qui định	D đến D + 7	LBM, FPTSI
3	Nộp hồ sơ đăng ký đấu giá	D + 7 đến D + 10	LBM, FPTSI
4	HOSE chấp thuận hồ sơ đăng ký đấu giá	D + 10 đến D + 13	LBM, FPTSI
5	Công bố thông tin về phiên đấu giá	D + 13 đến D + 17	LBM, FPTSI
6	Tiếp nhận đăng ký, đặt cọc của nhà đầu tư	D + 17 đến D + 31	Đại lý đấu giá
7	Công bố kết quả đăng ký của nhà đầu tư	D + 33	HOSE
8	Nhận phiếu tham dự đấu giá của NĐT	D + 34	Đại lý đấu giá
9	Tổ chức Đấu giá, Thông báo kết quả đấu giá	D + 35	LBM, FPTSI, HOSE
10	Nhận thanh toán tiền mua cổ phần	D + 35 đến D + 42	Đại lý đấu giá
11	Thanh toán phí đấu giá cho HOSE	D + 42 đến D + 46	LBM
12	HOSE chuyển tiền thu được từ việc đấu giá cho LBM	D + 47	HOSE
13	Phân phối lại cổ phần không bán hết (nếu có)	D + 47 đến D + 57	LBM
14	Báo cáo kết quả phát hành và nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán bổ sung	D + 57 đến D + 64	LBM
15	CBTT Thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành	D + 65	LBM
16	Hoàn tất thủ tục ĐKCK và niêm yết bổ sung	D + 80	LBM

(Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thống nhất lộ trình tổ chức đấu giá với HOSE.)

7. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn:

Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Thực hiện theo quy chế bán đấu giá của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE). Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần sau khi được HOSE chấp thuận hồ sơ đăng ký bán đấu giá.

Phương thức thanh toán:

Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần của LBM tiến hành nộp đầy đủ tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản của Đại lý đấu giá (nơi đăng ký làm thủ tục đấu giá). Thông tin chi tiết sẽ được công bố sau tại Quy chế bán đấu giá cổ phần LBM tại HOSE.

Chuyển giao cổ phiếu:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành phải có trách nhiệm chuyển giao cổ phiếu cho người mua.

Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Nhà đầu tư trúng giá trong buổi bán đấu giá sẽ trở thành cổ đông của LBM, được thực hiện quyền của cổ đông LBM theo quy định của pháp luật hiện hành.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 10 cổ phần

Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Tất cả nhà đầu tư có nhu cầu mua cổ phiếu LBM
- Thời gian thực hiện quyền: Theo thời hạn thông báo đấu giá của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ thực hiện quyền: Nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá theo Quy chế bán đấu giá cổ phiếu LBM tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Thực hiện theo quy chế bán đấu giá của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần:

không có

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Bản điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, vì vậy căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 04/04/2018, Công ty có 46 cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty là 534.739 cổ phần chiếm 6,29% vốn điều lệ.

Tuy nhiên, Công ty hiện đang đăng ký kinh doanh mã ngành "Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu", tuy nhiên công ty không phát sinh doanh thu đối với các mặt hàng thuộc quy định giới hạn nhà đầu tư nước ngoài quy định tại thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013. Vì vậy, công ty cam kết điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của công ty phù hợp với quy định hiện hành nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty vào kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Phần cổ phiếu phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

10. Các loại thuế có liên quan

- Theo luật định thuế Thu nhập doanh nghiệp
 - o Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông là 10%
 - o Công ty mẹ và các Công ty thành viên khác là 20%.
- Thuế Giá trị gia tăng: tùy từng mặt hàng cụ thể chịu thuế suất thuế GTGT là 5% và 10%.
- Thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và một số loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành

11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
- Số tài khoản: 64110000826040
- Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng
- Địa chỉ: 22 Trần Phú, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Số vốn thu được dự kiến là 45.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Phương án khả thi: không có

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua ngày 21/04/2018, số vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kế hoạch sử dụng số tiền thu được cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 1.500.000 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến: 30.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 45.000.000.000 đồng (*theo giá chào bán dự kiến*)
- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cụ thể như sau:

Mục đích	Số tiền (VNĐ)	Thời gian sử dụng
Chi phí nguyên vật liệu sản xuất: than đá, xăng dầu nhiên liệu	10.000.000.000	Quý IV năm 2018
Chi phí nguyên liệu cát, xi măng, phụ gia	30.000.000.000	Quý IV năm 2018
Chi phí tiền lương, nhân công	5.000.000.000	Quý IV năm 2018
Tổng cộng	45.000.000.000	

- Trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành, Hội đồng Quản trị công ty sẽ chủ động cân đối lại nguồn vốn sao cho hợp lý hoặc đưa ra một phương án xử lý thích hợp.

2. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Nguồn vốn huy động qua đợt chào bán tùy thuộc vào biến động của nền kinh tế, biến động ngành bất động sản nói chung và thị trường chứng khoán. Do vậy trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành, Hội đồng quản trị Công ty sẽ chủ động cân đối lại nguồn vốn sao cho hợp lý hoặc đưa ra một phương án xử lý thích hợp.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ : Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại : (0263) 3828127 **Fax:** (0263) 3554065

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Địa chỉ : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Q.1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3827 5026 **Fax:** (028) 3827 5026

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở : Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

Chi nhánh : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, TP. HCM

Điện thoại : (028) 6290 8686 **Fax:** (028) 6291 0560

❖ Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng làm vốn lưu động, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường đang ngày càng đa dạng, phong phú.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi, nền kinh tế địa phương được dự báo sẽ tăng trưởng vượt bậc, định hướng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty hoàn toàn phù hợp với xu hướng của nền kinh tế nói chung và định hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng nói riêng.

Ngoài ra, đối tượng của đợt chào bán của đợt phát hành chủ yếu là cổ đông hiện hữu của công ty nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như ban lãnh đạo công ty. Vì vậy, rủi ro của đợt chào bán là khá thấp. Nếu không có các diễn tiến bất thường gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì kế hoạch chào bán cổ phiếu của công ty có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017
5. **Các phụ lục khác.**

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ngày.....tháng....năm 2019

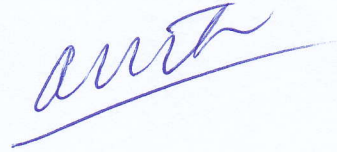
**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỂN



NGUYỄN AN THÁI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



LÊ NAM ĐỒNG



VŨ NGỌC PHÁCH

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



LÊ QUANG NGỌC THANH